

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 11/2023)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

05. Bộ tiêu chuẩn Quốc tế giúp đo lường chất lượng âm thanh ti vi

06. Tiêu chuẩn mới dành cho phân lân nung chảy sử dụng trong nông nghiệp hữu cơ

07. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

08. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-193:2021 quy định về hàm lượng các chất có trong muối

09. Dự thảo ban hành QCVN 1:2023/BGTVT về chất lượng và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng

11. Quy định mức giới hạn về hàm lượng Formaldehyde tự do trong keo dán gỗ theo QCVN 03-01:2022/BNNPTNT

13. Tiêu chuẩn đánh giá năng lượng tiếng việt miễn phí trên nền tảng Zalo AI

14. Yêu cầu về lý - hóa đối với đồ uống đại mạch theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13563:2023

15. Tiêu chuẩn Quốc tế mới đảm bảo chất lượng hệ thống AI

16. Đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cho các máy nâng

17. Hoạt động công nhận góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

18. Lấy ý kiến về 5 dự thảo tiêu chuẩn Quốc gia đối với xăng dầu

20. Phát triển thị trường thực phẩm Halal cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt

21. Rà soát, bổ sung quy chuẩn cho xe điện tại Việt Nam

22. Sẽ ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

24. Quản lý chất lượng xăng dầu theo QCVN 02:2022/BKHCN

26. Tiêu chuẩn hỗ trợ phân tích đất và chất thải sinh học

27. ASTM sửa đổi tiêu chuẩn an toàn dành cho đồ chơi trẻ em

28. BS ISO 7101: Kế hoạch chi tiết về quản lý chất lượng trong chăm sóc sức khỏe

28. Tiêu chuẩn giúp đánh giá hiệu quả của khăn lau kháng khuẩn

29. Xây dựng Quy chuẩn quản lý máy cắt cỏ, máy gặt đập liên hợp

31. ISO 14001- Cung cấp cách tiếp cận hệ thống để quản lý môi trường

33. Tiêu chuẩn chất lượng cát san lấp và cát xây tô trong công trình xây dựng\

34. Bộ VHTTDL ban hành quy định tiêu chuẩn chất lượng về cung cấp dịch vụ thư viện công lập

36. FSSC 22000 – Giải pháp cho các yêu cầu an toàn thực phẩm khi xuất khẩu vào thị trường

EU

38. Chính thức có chuẩn Quốc gia cho bộ phát đáp rada tìm kiếm và cứu nạn

39. Dự thảo 02 tiêu chuẩn Quốc gia về tro bay

40. Siết hoạt động chứng nhận sản phẩm hữu cơ

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

42. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 11/2023

❖ **BỘ CÔNG THƯƠNG**

Ngày 31/10/2023, Bộ Công thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai LPG composite kèm theo Thông tư 27/2022/TT-BCT (Ký hiệu: QCVN 16:2022/BCT)

Thông tư 27/2022/TT-BCT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai LPG composite này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2023./.

❖ **BỘ CÔNG AN**

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư 56/2023/TT-BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Phương tiện Phòng cháy và chữa cháy" (QCVN 03:2023/BCA).



Quy chuẩn này quy định các yêu cầu về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và quản lý về hoạt động kiểm định các phương tiện phòng cháy và chữa cháy thuộc danh mục phải kiểm định về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật trước khi đưa vào lưu thông tại Việt Nam. QCVN 03:2023/BCA không áp dụng cho phương tiện phòng cháy và chữa cháy nhập khẩu dưới dạng hàng mẫu, hàng trưng bày triển lãm, hội chợ; hàng tạm nhập tái xuất, hàng quá cảnh không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và thay thế Thông

tư số 123/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành QCVN 03:2021/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phương tiện Phòng cháy và chữa cháy./.

❖ **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Ngày 03/11/2023 Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 30/2023/TT-BGTVT ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt.

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt trong quá trình khai thác sử dụng.

Số hiệu: QCVN 15:2023/BGTVT.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và quy định kiểm tra đối với đầu máy diesel, phương tiện chuyên dùng tự hành khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Số hiệu: QCVN 16:2023/BGTVT.

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra toa xe, phương tiện chuyên dùng không tự hành khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Số hiệu: QCVN 18:2023/BGTVT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2023 và bãi bỏ Thông tư số 67/2011/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt, Thông tư số 30/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt./.



❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Quyết định công bố và hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia:

➤ **Quyết định công bố Tiêu chuẩn Quốc gia**

Bộ Khoa học và Công nghệ mới ký các Quyết định sau về việc ban hành các tiêu chuẩn quốc gia:

Quyết định số 2712/QĐ-BKHCN (30/12/2022):

1. TCVN 13598-1:2022 Chất kết dính và vữa thạch cao - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
2. TCVN 13598-2:2022 Chất kết dính và vữa thạch cao - Phần 2: Phương pháp thử

Quyết định số 1889/QĐ-BKHCN (25/8/2023)

1. TCVN 13718:2023, Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thi công và nghiệm thu
2. TCVN 13719:2023, Công trình thủy lợi - Đập bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu thi công và nghiệm thu
3. TCVN 9137:2023, Công trình thủy lợi đập bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu thiết kế
4. TCVN 4116:2023, Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thiết kế

Quyết định số 2380/QĐ-BKHCN (ngày 20/10/2023)

1. TCVN 141:2023, Xi măng POOC LĂNG - Phương pháp phân tích hóa học
2. TCVN 1452:2023, Ngói đất sét nung và phụ kiện - Yêu cầu kỹ thuật
3. TCVN 1453:2023, Ngói bê tông và phụ kiện
4. TCVN 4313:2023, Ngói đất sét nung và phụ kiện - Phương pháp thử

Quyết định số 2413/QĐ-BKHCN (ngày 24/10/2023)

1. TCVN 13901:2023, Thảm địa kỹ thuật composit gốc xi măng

Quyết định số 2415/QĐ-BKHCN (ngày 24/10/2023)

1. TCVN 13836:2023, Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định cỡ hạt cà phê rang xay - Phương pháp lắc ngang sử dụng sàng có chốt tròn

2. TCVN 13837:2023, Chất chiết cà phê - Xác định hàm lượng chất khô trong chất chiết cà phê - Phương pháp sử dụng cát biển đối với chất chiết cà phê dạng lỏng hoặc dạng sệt

3. TCVN 13838:2023, Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định acrylamid - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao-hai lần khối phổ (HPLC-MS/MS) và sắc ký khí-khối phổ (GC-MS) sau khi tạo dẫn xuất

4. TCVN 13839:2023, Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định hàm lượng 16-O-methylcafestol trong cà phê rang - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

5. TCVN 13840:2023, Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân

Quyết định số 2565/QĐ-BKHCN (ngày 13/11/2023)

1. TCVN 13604:2023, Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật
2. TCVN 13605:2023, Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn

Quyết định số 2565/QĐ-BKHCN (ngày 13/11/2023)

1. TCVN 8257-1:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 1: Xác định kích thước, độ sâu của gờ vít và độ vuông góc của cạnh

2. TCVN 8257-2:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 2: Xác định độ cứng của lõi, cạnh và gờ

3. TCVN 8257-3:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 3: Xác định cường độ chịu uốn

4. TCVN 8257-4:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 4: Xác định độ kháng nổ đỉnh

5. TCVN 8257-5:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 5: Xác định độ biến dạng ẩm

6. TCVN 8257-6:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 6: Xác định độ hút nước
7. TCVN 8257-7:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 7: Xác định độ hấp thụ nước bề mặt
8. TCVN 8257-8:2023, Tấm thạch cao - Phương pháp thử cơ lý - Phần 8: Xác định độ thẩm thấu hơi nước
9. TCVN 13604:2023, Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật
10. TCVN 13605:2023, Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn

Quyết định số 2568/QĐ-BKHCHN (ngày 13/11/2023)

1. TCVN 13858-1:2023, Đường sắt - Đá ba lát - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật

Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia

Quyết định số 2564/QĐ-BKHCHN (ngày 13/11/2023)

1. TCVN 8257-1:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 1: Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh
2. TCVN 8257-2:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi
3. TCVN 8257-3:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định cường độ chịu uốn

4. TCVN 8257-4:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định độ kháng nổ đỉnh
5. TCVN 8257-5:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 5: Xác định độ biến dạng ẩm
6. TCVN 8257-6:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 6: Xác định độ hút nước
7. TCVN 8257-7:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 7: Xác định độ hấp thụ nước bề mặt
8. TCVN 8257-8:2009, Tấm thạch cao - Phương pháp thử - Phần 8: Xác định độ thẩm thấu hơi nước
9. TCVN 4030:2003, Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn

Quyết định số 1890/QĐ-BKHCHN (ngày 25/8/2023)

1. TCVN 4116:1985, Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế
2. TCVN 9137:2012, Công trình thủy lợi - Thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép

Quyết định số 2379/QĐ-BKHCHN (ngày 20/10/2023)

1. TCVN 141:2008, Xi măng POOC LĂNG - Phương pháp phân tích hóa học
2. TCVN 1452:2004, Ngói đất sét nung - Yêu cầu kỹ thuật
3. TCVN 1453:1986, Ngói xi măng cát
4. TCVN 4313:1995, Ngói - Phương pháp thử cơ lý



BỘ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ GIÚP ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ÂM THANH TIVI

Tiêu chuẩn quốc tế mới, IEC 60268-23, quy định các phương pháp đo âm thanh cho tivi, màn hình có loa tích hợp và các thiết bị âm thanh khác có đặc tính âm thanh tương tự, chẳng hạn như loa màn hình phẳng. Các phép đo âm thanh được thực hiện trong điều kiện trường tự do và tại chỗ. Tiêu chuẩn mới này được phát triển bởi Ủy ban kỹ thuật IEC 100, chịu trách nhiệm phát triển các tiêu chuẩn cho hệ thống và thiết bị âm thanh, video và đa phương tiện.



Tiêu chuẩn mới cung cấp các phương pháp đo lường cho hệ thống âm thanh của TV và màn hình có tính đến môi trường nghe. Điều này đảm bảo rằng chất lượng âm thanh của các thiết bị này là nhất quán, bất kể kiểu lắp đặt và vị trí của loa.

Tiêu chuẩn mới là cần thiết vì đặc tính âm thanh của TV và màn hình có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào vị trí và vị trí của loa. Rất nhiều TV đặt loa ở phía dưới màn hình, trong khi một số khác lại đặt ở giữa, bên cạnh hoặc phía sau TV.

Loa cũng có thể được sử dụng trên giá đỡ hoặc gắn trên tường. Các phương pháp được sử dụng để cài đặt chúng tiếp tục phát triển.

Do những khác biệt này, điều cần thiết là phải phát triển các phương pháp đo lường

mới cho loa của TV và màn hình có thể tính đến môi trường nghe.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các phép đo âm học được thực hiện trong điều kiện trường tự do và tại chỗ. Nó không đánh giá nhận thức và đánh giá nhận thức về âm thanh được tái tạo cũng như tác động của chất lượng âm thanh cảm nhận được.

Tiêu chuẩn IEC 60268-23 bổ sung cho các phương pháp đo lường chất lượng của loa hiện có do Ủy ban IEC TC 100 phát triển.

Hầu hết các thiết bị âm thanh-video trên thế giới đều dựa vào công việc tiêu chuẩn hóa của TC 100. Ủy ban đã xuất bản hơn 500 tiêu chuẩn định hình bối cảnh âm thanh, video và đa phương tiện.

Các lĩnh vực kỹ thuật khác mà TC 100 đề cập đến bao gồm đo lường và quản lý màu sắc cũng như các hệ thống và thiết bị đa phương tiện cho ô tô. Công việc của TC 100 đảm bảo rằng thiết bị và hệ thống không chỉ có chất lượng cao nhất mà còn có khả năng tương tác, nghĩa là chúng có thể được sử dụng cùng nhau một cách liền mạch, bất kể nhà sản xuất.

TC 100 cũng nhằm mục đích tiêu chuẩn hóa các lĩnh vực công nghệ hướng tới tương lai như xúc giác hoặc thậm chí là Metaverse. Gần đây, Ủy ban đã xuất bản một báo cáo kỹ thuật nhằm làm rõ mô hình khái niệm về xúc giác trong các hệ thống đa phương tiện và đã thành lập một nhóm chuẩn bị các tiêu chuẩn cho thiết bị đa phương tiện liên quan đến Metaverse.

Liên quan đến tiêu chuẩn về sản phẩm TV, Ủy ban kỹ thuật TC 59 trước đó cũng đã công bố tiêu chuẩn IEC 62301:2011 quy định các phương pháp đo mức tiêu thụ điện năng ở (các) chế độ chờ và các chế độ năng lượng thấp khác (chế độ tắt và chế độ mạng), nếu có.

Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho các sản phẩm điện có điện áp đầu vào danh định hoặc dải điện áp nằm hoàn toàn hoặc một phần trong phạm vi 100 V xoay chiều đến 250 V xoay chiều đối với các sản phẩm một pha và 130 V xoay chiều đến 480 V xoay chiều đối với các sản phẩm khác. Mục tiêu của tiêu chuẩn này là cung cấp phương pháp thử nghiệm để xác định mức tiêu thụ điện năng của nhiều loại

sản phẩm ở chế độ năng lượng thấp liên quan (xem 3.4), nói chung khi sản phẩm không ở chế độ hoạt động (tức là không thực hiện chức năng chính). Tiêu chuẩn này không quy định các yêu cầu về an toàn. Nó không chỉ định các yêu cầu hiệu suất tối thiểu cũng như không đặt ra giới hạn tối đa về mức tiêu thụ điện năng hoặc năng lượng./.

(Nguyễn Nam)

TIÊU CHUẨN MỚI DÀNH CHO PHÂN LÂN NUNG CHÁY SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Quyết định số 1535//QĐ-BKH-CN công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1078:2023 về phân lân nung chảy dùng cho nông nghiệp hữu cơ.

Theo đó, TCVN 1078:2023 được thay thế cho TCVN 1078:2018 và do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 134 phân bón biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ KH-CN công bố.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho phân lân nung chảy và cũng quy định các tiêu chí đối với phân lân nung chảy sử dụng trong trồng trọt hữu cơ. Cụ thể, phân lân nung chảy phải phù hợp với các yêu cầu quy định trong Bảng 1:

Ngoài ra, phân lân nung chảy dùng trong trồng trọt hữu cơ phải đáp ứng các yêu cầu nêu trong Bảng 1 và các tiêu chí: Một là nguyên liệu sản xuất có nguồn gốc từ tự nhiên, hai là không sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất.

Để xác định hàm lượng phospho hữu hiệu cần hoà tan phân lân nung chảy bằng dung dịch axit citric 2%. Kết tủa ion phosphat bằng amoni molipdat trong môi trường axit nitric, dùng amoni hydroxit với lượng dư để hoà tan kết tủa.

Sau đó, dùng hỗn hợp magiê kết tủa ion phosphat dưới dạng NH_4MgPO_4 . Lọc, rửa, nung kết tủa NH_4MgPO_4 . Kết tủa sau khi nung ở dạng $Mg_2P_2O_7$, cân và tính ra hàm lượng

TCVN 1078:2023

Bảng 1 – Yêu cầu kỹ thuật đối với phân lân nung chảy

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Hàm lượng phospho hữu hiệu (tính theo P_2O_5), % khối lượng, không nhỏ hơn	15,0
2. Hàm lượng canxi (tính theo CaO), % khối lượng, không nhỏ hơn	26,0
3. Hàm lượng magiê (tính theo MgO), % khối lượng, không nhỏ hơn	14,0
4. Cỡ hạt (độ mịn), % khối lượng, không nhỏ hơn	
– Dạng bột, dạng hạt, qua sàng lỗ tròn, cỡ lỗ ≤ 3 mm	90,0
– Dạng viên, qua sàng lỗ vuông, cỡ lỗ ≤ 5 mm	90,0
5. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	
– Dạng bột, dạng hạt	1,0
– Dạng viên	5,0
6. Hàm lượng cadimi (Cd), mg/kg, không lớn hơn	12,0

phospho hữu hiệu (theo P2O5).

Với hàm lượng canxi oxit, magiê oxit cần phân hủy và chuyển hóa canxi oxit, magiê oxit trong mẫu phân bón bằng hỗn hợp axit nitric và axit clohydric đậm đặc. Xác định hàm lượng canxi oxit, magiê oxit trong dung dịch bằng phép chuẩn độ tạo phức với EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid).

Còn để xác định cỡ hạt (độ mịn), người thực hiện cần cân khoảng 250g mẫu đã sấy khô (chính xác đến 0,01g). Lựa chọn sàng (5.3.1.1) hoặc sàng (5.3.1.2) tùy theo dạng mẫu (dạng bột, dạng hạt hoặc dạng viên). Đổ mẫu lên sàng. Đẩy nắp sàng và tiến hành sàng cho đến khi không thấy mẫu lọt qua sàng. Cân phần còn lại trên sàng, chính xác đến 0,01g.

Ngoài ra, độ ẩm được xác định theo TCVN 9297 và hàm lượng cadimi được xác định theo TCVN 9291.

Quy định về bao gói là phân lân nung chảy được đóng vào bao. Khối lượng bao tùy theo nhà sản xuất nhưng sai lệch khối lượng không quá $\pm 0,5\%$. Bao chứa phân lân nung chảy phải đảm bảo bền và cách ẩm.

Trên nhãn phải có ít nhất các thông tin: Cơ sở sản xuất; Tên sản phẩm; Dạng sản phẩm; Hàm lượng phospho hữu hiệu (tính theo P2O5), hàm lượng canxi (tính theo CaO), hàm lượng magiê (tính theo MgO), hàm lượng cadimi (Cd) và độ ẩm; Ngày sản xuất, hạn sử dụng; Khối lượng tịnh; Khối lượng tịnh; Viện dẫn tiêu chuẩn TCVN 1078:2023.

Tiêu chuẩn cũng quy định phân lân nung chảy phải được để ở nơi khô ráo, có mái che và vận chuyển bằng các phương tiện có che chắn, đảm bảo khô../.

(Anh Đức)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn được áp dụng để giám sát và đánh giá chất lượng không khí xung quanh.



QCVN 05:2023/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và được ban hành theo Thông tư số /2023/TT-BTNMT năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. QCVN 05:2023/BTNMT được

thay thế cho thể QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản và các thông số độc hại trong không khí xung quanh. Quy chuẩn này không áp dụng đối với không khí trong nhà và được sử dụng trong cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có các hoạt động liên quan đến chất lượng không khí trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông số cơ bản được sử dụng để quan trắc định kỳ, tự động, liên tục nhằm đánh giá chất lượng không khí, gồm có 07 thông số: SO₂ (lưu huỳnh (sulfur) dioxide), CO (carbon monoxide), NO₂ (nitơ (nitrogen) dioxide), O₃ (ozone), TSP (tổng bụi lơ lửng), bụi PM₁₀, bụi PM_{2,5}.

Các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ có tính chất gây hại tới sức khỏe con người và môi trường, được lựa chọn để quan trắc theo mục tiêu của chương trình quan trắc. Cụ thể, Giá trị giới hạn tối đa của các thông số cơ bản trong không khí xung quanh được quy định như sau:

Bảng 1: Giá trị giới hạn các thông số cơ bản trong không khí xung quanh

Đơn vị: Microgam trên mét khối ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)

TT	Thông số	Trung bình 1 giờ	Trung bình 8 giờ	Trung bình 24 giờ	Trung bình năm
1	SO ₂	350	-	125	50
2	CO	30.000	10.000	-	-
3	NO ₂	200	-	100	40
4	O ₃	200	120	-	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	300	-	200	100
6	Bụi PM ₁₀	-	-	150	50
7	Bụi PM _{2,5}	-	-	50	25
8	Pb	-	-	1,5	0,5

Ghi chú: dấu (-) là không quy định

Bảng quy định giá trị giới hạn các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

QCVN 05:2023/BTNMT quy định thực hiện phương pháp quan trắc để xác định giá trị nồng độ thông số cơ bản, thông số độc hại trong không khí xung quanh. Ngoài ra, chấp nhận kết quả quan trắc từ thiết bị quan trắc tự

động, liên tục chất lượng không khí đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo quy định của pháp luật../.
(Phạm Hòa)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA QCVN 01-193:2021 QUY ĐỊNH VỀ HÀM LƯỢNG CÁC CHẤT CÓ TRONG MUỐI

Muối là một gia vị dùng để ăn trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. Do đó khi chế biến và sản xuất cũng như kinh doanh muối hàm lượng các chất có trong muối phải đáp ứng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-193: 2021/BNNPTNT.



Muối thực phẩm là muối được bổ sung tăng cường vi chất i-ốt dùng để ăn trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm, có hàm lượng các chất phải đáp ứng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-193: 2021/BNNPTNT.

Căn cứ Mục 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-193: 2021/BNNPTNT quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, lấy mẫu và quy định về quản lý đối với muối thực phẩm.

Theo quy định, hàm lượng NaCl không nhỏ hơn 89% khối lượng chất thô; Độ ẩm không lớn hơn 9,0%; Hàm lượng chất không tan trong nước không lớn hơn 0,3% khối lượng chất khô; I-ốt không nhỏ hơn 20,0(mg/kg) và không lớn hơn 40,0 (mg/kg); Asen tính theo As không lớn hơn 0,5mg/kg; Chì không lớn hơn 2,0mg/kg; Cadimi không lớn hơn 0,5mg/kg; Thủy ngân không lớn hơn 0,1mg/kg; Đồng không lớn hơn 2,0mg/kg.

Đối với các chất phụ gia thực phẩm và I-ốt bổ sung vào muối thì theo quy định tại Thông tư 24/2019/TT-BYT i-ốt phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với kali iodat (KIO₃) theo quy định tại QCVN 3-6:2011/BYT của Bộ Y tế về các chất được sử dụng để bổ sung I-ốt vào thực phẩm.

Cũng theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-193:

2021/BNNPTNT, việc ghi nhãn muối thực phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP. Muối thực phẩm phải được tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm dựa trên kết quả kiểm nghiệm của phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 17025. Muối thực phẩm phải được kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Thông tư 39/2018/TT-BNNPTNT và các văn bản pháp luật có liên quan.

Tổ chức, cá nhân sản xuất chế biến, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu muối thực phẩm phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm,

bảo đảm sản phẩm phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đồng thời thực hiện tự công bố sản phẩm theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế./

(Yến Hoa)

DỰ THẢO BAN HÀNH QCVN 13:2023/BGTVT VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, Bộ Giao thông vận tải đang dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 13:2023/BGTVT bổ sung và sửa đổi từ QCVN 13:2023/BGTVT về Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 13:2023/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học, Công nghệ và môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. Quy chuẩn này quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp; nhập khẩu và khai thác sử dụng thuộc đối tượng được nêu tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022.

Theo dự thảo sửa đổi, bổ sung thì Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 13:2023/BGTVT quy định xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng được nêu tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của

Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022, Thông tư về mã HS được cập nhật mới phù hợp với các văn bản hiện hành. Quy chuẩn còn bổ sung các định nghĩa về xe máy chuyên dùng và các hệ thống. Ngoài ra có đưa xe tự đổ thuộc Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13219 TCVN:2020 Máy làm đất - Xe tự đổ - Thuật ngữ và đặc tính kỹ thuật trong thương mại.

Ngoài ra Quy chuẩn cũng phân biệt rõ ràng Quy định kỹ thuật giữa xe đã qua sử dụng và xe chưa qua sử dụng. Các yêu cầu kỹ thuật rõ ràng hơn, chi tiết hơn và theo thứ tự đánh số dễ áp dụng và tách theo từng yêu cầu. Theo đó yêu cầu về kỹ thuật rõ ràng đối với xe chưa qua sử dụng, xe đã qua sử dụng. Đặc biệt, Quy chuẩn quy định xe máy chuyên dùng khi sản xuất, lắp ráp; nhập khẩu; cải tạo và khai thác sử dụng phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Nói tới xe máy chuyên dùng, tại Khoản 20 Điều 3 Luật giao thông đường bộ năm 2008, xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO MỚI SO VỚI QCVN 13:2011

STT	QCVN 13/2011/BGTVT	Dự thảo QCVN 13/2023/BGTVT	So sánh
	Lời nói đầu: QCVN 13:2011/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành	Lời nói đầu: QCVN 13:2023/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học, Công nghệ và môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	Bổ sung: Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định
1.1.	1.2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng gồm các loại được nêu trong TCVN 7772:2007 Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại và các loại khác được quy định tại khoản 20, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ 2008 (sau đây gọi tắt là XMCD) khi nhập khẩu và khai thác sử dụng trong giao thông vận tải.	1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng (sau đây được gọi tắt là Xe) trong sản xuất, lắp ráp; nhập khẩu và khai thác sử dụng thuộc đối tượng được nêu tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022	Sửa : XMCD thuộc đối tượng được nêu tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022, Thông tư về mã HS được cập nhật mới phù hợp với các văn bản hiện hành
		1.3.Giải thích từ ngữ: bổ sung 7 mục giải thích từ ngữ (từ 1.3.1 đến 1.3.7)	Bổ sung các định nghĩa về xe máy chuyên dùng và các hệ thống , ngoài ra có đưa xe tự đổ thuộc Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13219 TCVN:2020 Máy làm đất - Xe tự đổ - Thuật ngữ và đặc tính kỹ thuật trong thương mại
2.	2. Quy định kỹ thuật <i>2.1. Quy định kỹ thuật về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật</i> 2.1.1. Kiểm tra tổng quát (gồm các mục	2. Quy định kỹ thuật: <i>2.1. Quy định kỹ thuật đối với xe chưa qua sử dụng (từ 2.1.1 đến 2.1.19)</i> 2.1.1. Yêu cầu chung	Dự thảo đã phân biệt rõ ràng Quy định kỹ thuật giữa xe đã qua sử dụng và xe chưa qua sử dụng. các yêu cầu kỹ thuật rõ ràng hơn, chi tiết hơn và theo thứ tự đánh

từ a đến g)	2.1.2. Hệ thống lái (gồm a và b)	2.1.2. Động cơ và hệ thống truyền động	số để áp dụng và tách theo từng yêu cầu (QCVN13:2011 còn các mục, a, b.. ; còn nhiều gạch đầu dòng, dấu "+" đầu dòng) Yêu cầu về Kỹ thuật rõ ràng đối với xe chưa qua sử dụng, xe đã qua sử dụng
	2.1.3. Hệ thống di chuyển (gồm a, b và c)	2.1.3. Hệ thống di chuyển	
	2.1.4. Hệ thống điều khiển (gồm từ a đến d)	2.1.4. Hệ thống lái và hệ thống điều khiển	
	2.1.5. Hệ thống truyền động (gồm a, b và c)	2.1.5. Hệ thống phanh	
	2.1.6. Hệ thống phanh (các mục từ a đến g)	2.1.6. Hệ thống treo	
	2.1.7. Hệ thống công tác (gồm từ a đến d)	2.1.7. Hệ thống nhiên liệu	
	2.1.8. Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu (gồm a, b và c)	2.1.8. Hệ thống điện	
		2.1.9. Khung và thân vỏ	
		2.1.10. Ghế ngồi trong khoang người lái (ca bin)	
		2.1.11. Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu	
		2.1.12. Còi	
		2.1.13. Tấm phản quang	
		2.1.14. Gương chiếu hậu, thiết bị quan sát	
		2.1.15. Hệ thống gạt nước	
		2.1.16. Đồng hồ tốc độ	
		2.1.17. Các đồng hồ đo khác	
		2.1.18. Hệ thống công tác	

	<p>2.2. Quy định về bảo vệ môi trường</p> <p>2.2.1. Khí thải (gồm a và b)</p> <p>2.2.2. Tiếng ồn</p>	<p>2.1.19. Quy định về bảo vệ môi trường</p> <p>2.2. Quy định kỹ thuật đối với xe đã qua sử dụng (từ 2.2.1 đến 2.2.19)</p> <p>2.2.1. Yêu cầu chung</p> <p>2.2.2. Động cơ và hệ thống truyền động</p> <p>2.2.3. Hệ thống di chuyển</p> <p>2.2.4. Hệ thống lái và hệ thống điều khiển</p> <p>2.2.5. Hệ thống phanh</p> <p>2.2.6. Hệ thống treo</p> <p>2.2.7. Hệ thống nhiên liệu</p> <p>2.2.8. Hệ thống điện</p> <p>2.2.9. Khung và thân vỏ</p> <p>2.2.10. Ghế ngồi trong khoang người lái (ca bin)</p> <p>2.2.11. Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu</p> <p>2.2.12. Còi</p> <p>2.2.13. Tấm phản quang</p> <p>2.2.14. Gương chiếu hậu, thiết bị quan sát</p> <p>2.2.15. Hệ thống gạt nước</p> <p>2.2.16. Đồng hồ tốc độ</p> <p>2.2.17. Các đồng hồ đo khác</p> <p>2.2.18. Hệ thống công tác</p> <p>2.2.19. Quy định về bảo vệ môi trường</p> <p>2.2.20. Yêu cầu đối với biển số</p>	
--	---	---	--

quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ

Để tham gia giao thông, xe máy chuyên dùng cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 57 Luật Giao thông đường bộ như sau: Bảo đảm các quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường như có đủ hệ thống hãm có hiệu lực; Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực; Có đèn chiếu sáng; Bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển; Các bộ phận chuyên dùng phải lắp đặt đúng vị trí, chắc chắn, bảo đảm an toàn khi di chuyển; Bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường. Có đăng ký và gắn biển số

do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Hoạt động trong phạm vi quy định, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển.

Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa và nhập khẩu xe máy chuyên dùng phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Chủ phương tiện và người điều khiển xe máy chuyên dùng chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật và kiểm định theo quy định đối với xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông đường bộ./.

(An Hạ)

QUY ĐỊNH MỨC GIỚI HẠN VỀ HÀM LƯỢNG FORMALDEHYDE TỰ DO TRONG KEO DÁN GỖ THEO QCVN 03-01:2022/BNNPTNT

Keo dán gỗ là một hợp chất kết dính không thể thiếu trong ngành sản xuất gỗ nội thất. Ngoài ra keo dán gỗ còn được sử dụng phổ

biến trong đời sống hiện tại formaldehyde tự do gây hại cho sức khỏe con người. Do đó, các tổ chức, cá nhân sản xuất keo dán

gỗ cần kiểm soát hàm lượng formaldehyde tự do theo Quy chuẩn quốc gia QCVN 03-01:2022/BNNPTNT trước khi lưu thông ra thị trường.



Hàm lượng formaldehyde tự do là một hoá chất xuất hiện trong tự nhiên ở mức thấp, tồn tại sẵn trong gỗ, khói đốt, dầu và khí lỏng... và được sử dụng trong các chế phẩm tổng hợp khác nhau. Tuy nhiên nếu thường xuyên tiếp xúc hay hít phải formaldehyde sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng cho da và hệ thống hô hấp,... nặng thì có thể gây ung thư. Theo đó, Quy chuẩn quốc gia QCVN 03-01:2022/BNNPTNT quy định mức giới hạn, phương pháp xác định và yêu cầu quản lý đối với hàm lượng formaldehyde tự do trong keo dán gỗ có thành phần formaldehyde được sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường Việt Nam.

Quy chuẩn này không áp dụng cho keo dán gỗ nhập khẩu dưới dạng mẫu thử; hàng mẫu; hàng triển lãm hội chợ; hàng hóa tạm nhập tái xuất; hàng hóa quá cảnh. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, lưu thông, lưu trữ và sử dụng keo dán gỗ. Các cơ quan quản lý nhà nước, cá nhân liên quan trong quản lý chất lượng keo dán gỗ. Các tổ chức, cá nhân

liên quan trong thử nghiệm, đánh giá, công bố hợp quy đối với keo dán gỗ.

Theo đó, Quy chuẩn quy định mức giới hạn về hàm lượng formaldehyde tự do trong

keo dán gỗ không vượt quá 1,4% theo khối lượng. Hàm lượng formaldehyde tự do trong keo dán gỗ được xác định theo một trong các phương pháp thử áp dụng cho từng nhóm keo dán gỗ cụ thể quy định tại TCVN 11569:2016. Mẫu keo dán gỗ dùng để xác định hàm lượng formadehyde tự do

phải ở dạng dung dịch.

Đối với keo dán gỗ dạng bột, phải được chuyển thành dạng dung dịch với đầy đủ các thành phần theo hướng dẫn của nhà sản xuất trước khi xác định hàm lượng formadehyde tự do. Với keo dán gỗ nhiều thành phần, phải pha chế đầy đủ các thành phần theo hướng dẫn của nhà sản xuất trước khi xác định hàm lượng formadehyde tự do.

Các loại keo dán gỗ phải được công bố hợp quy phù hợp với quy định về giới hạn hàm lượng formaldehyde tự do quy định tại mục 2.1 Quy chuẩn này. Việc công bố hợp quy được thực hiện dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật. Việc thử nghiệm phục vụ công bố hợp quy được thực hiện tại các tổ chức thử nghiệm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp./.

(Hà My)

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT MIỄN PHÍ TRÊN NỀN TẢNG ZALO AI

Nhằm đánh giá tiếng Việt ở đa khía cạnh, đa cấp độ và đáp ứng đa dạng nhu cầu nhất trên thị trường hiện nay cũng như giúp cộng đồng nghiên cứu AI ở Việt Nam có thêm có thêm công cụ đánh giá ngôn ngữ, Zalo AI phối hợp với Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (JAIST) đã công bố bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt VMLU (Vietnamese Multitask Language Understanding).



Sự phát triển bùng nổ của ChatGPT đã tạo ra một cuộc đua mới giữa các nước có nền công nghệ phát triển trên thế giới. Việt Nam cũng không phải một nước ngoại lệ, khi có rất nhiều nhóm nghiên cứu với quy mô, tiềm lực khác nhau cũng đang muốn thử nghiệm với Generative AI sử dụng tiếng Việt. Chính điều này đã thúc đẩy các nhóm phát triển mô hình AI để đo lường mức độ nắm tri thức cũng như tư duy ngôn ngữ tiếng Việt.

Bộ đánh giá của Zalo AI hướng đến một bộ tiêu chuẩn chung cho mô hình LLM tổng quát, điều mà hiện nay ít có nhóm nghiên cứu nào đạt được. Bộ tiêu chuẩn chung này sẽ giúp

những nhóm nghiên cứu nhỏ có thể tiếp cận được bộ dữ liệu đánh giá toàn diện vừa để các bên có thể so sánh kết quả lẫn nhau.

Có thể nói, bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt VMLU giống như viên gạch đầu tiên đặt nền móng đo lường sự chính xác và nâng cấp kết quả của các mô hình cơ bản, giúp hoàn thiện quá trình phát triển các ứng dụng AI ngôn ngữ Việt, do chính người Việt tạo ra để phục vụ người Việt. Đồng thời cũng là một

trong những điều kiện giúp cho nền công nghệ AI Việt Nam bắt kịp với làn sóng phát triển AI mạnh mẽ trên thế giới.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt VMLU hướng đến 2 phần chính: Dữ liệu (test dataset) và bộ công cụ tiêu chuẩn đánh giá, làm cơ sở để kiểm tra đối với các mô hình AI ứng dụng ngôn ngữ Việt.

Với bộ dữ liệu bao gồm 10.880 câu hỏi trắc nghiệm xoay quanh 58

chủ đề khác nhau. Mỗi chủ đề có khoảng 200 câu hỏi và được phân bổ trên 4 lĩnh vực bao gồm: STEM, Khoa học xã hội, Khoa học nhân văn và một danh mục rộng "Mở rộng". Với khối dữ liệu này, VMLU có sự phân tầng độ khó với 4 cấp bậc: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Chuyên nghiệp - cho đại học và sau đại học. Từ đó, bộ công cụ giúp đánh giá hiệu quả năng lực ngôn ngữ tiếng Việt của các mô hình AI về cả kiến thức sơ đẳng lẫn giải quyết các vấn đề phức tạp.

Bên cạnh đó, để giúp các nhóm nghiên cứu dễ dàng đánh giá năng lực các mô hình AI tiếng Việt của mình, đội ngũ kỹ sư Zalo AI thiết

kể kèm theo hướng dẫn để các nhóm có thể sử dụng một cách nhanh chóng và đơn giản.

Bộ tiêu chuẩn VMLU ra đời chính là một sản phẩm góp phần phát triển cộng đồng nghiên cứu AI Việt Nam nói riêng cũng như

cộng đồng công nghệ thông tin nói chung, đặc biệt không thu phí bất kỳ người dùng, nhóm nghiên cứu hay doanh nghiệp nào.

(Phạm Hòa)

YÊU CẦU VỀ LÝ - HÓA ĐỐI VỚI ĐỒ UỐNG ĐẠI MẠCH THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13563:2023

Ngoài làm thực phẩm đại mạch còn được các nhà sản xuất đưa vào các loại đồ uống không cồn. Tuy nhiên trước khi lưu thông ra thị trường, loại đồ uống này phải đáp ứng các yêu cầu về lý-hóa theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13563:2023.



Theo quy định của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13563:2023 thì đối với sản phẩm đồ uống đại mạch có hàm lượng etanol phải không lớn hơn 0,5 % thể tích.

Đồ uống đại mạch phải được chế biến bằng phương pháp thích hợp từ các nguyên liệu chính là dịch chiết đại mạch hoặc dịch chiết đại mạch cô đặc, chế phẩm từ hoa houblon (hoa bia) và nước. Có thể sử dụng nấm men và phụ gia thực phẩm, đáp ứng quy định về hàm lượng etanol nêu trong tiêu chuẩn này.

Về nguyên liệu chính đồ uống từ đại mạch, chế phẩm từ đại mạch phải là nguyên liệu phù hợp để chế biến thực phẩm. Nước phải đáp ứng theo quy định hiện hành. Các

nguyên liệu tùy chọn phải phù hợp cho chế biến thực phẩm.

Tiêu chuẩn trên cũng quy định yêu cầu cảm quan đối với đồ uống đại mạch phải có màu sắc đặc, mùi vị đặc trưng, trạng thái ở dạng lỏng, không có cặn.

Căn cứ quy định Tiểu mục 5.2 Mục 5 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13563:2023 quy định hàm lượng chất khô tổng số thì phần trăm khối lượng không nhỏ hơn 3,8; hàm lượng carbon dioxid CO₂ trong sản phẩm đồ uống đại mạch có ga không nhỏ hơn 2,5.

Về bao gói, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13563:2023 quy định các sản phẩm đồ uống đại mạch cần phải được đóng gói trong bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm, kín khí và không thấm nước. Việc ghi nhãn sản phẩm theo quy định hiện hành theo TCVN 7087:2013 (CODEX STAN 1-1985, Sửa đổi 2010) và các yêu cầu gồm: Tên sản phẩm có thể là “Đồ uống đại mạch”, “Thức uống đại mạch” hoặc tên gọi khác mang nghĩa tương đương. Tên sản phẩm cần mô tả đúng bản chất của sản phẩm mà không lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Tên sản phẩm có thể kèm theo các thuật ngữ mô tả thích hợp (ví dụ “không ga” hoặc “có ga”).

Ghi nhãn sản phẩm bao gói sẵn để bán lẻ cần ghi rõ các thông tin: Tên sản phẩm; Hàm lượng etanol (% thể tích). Ghi nhãn bao gói không dùng để bán lẻ cũng yêu cầu tên sản phẩm, mã định danh lô hàng, tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở bao gói, hướng dẫn bảo quản và thông tin về hàm lượng etanol

phải được ghi trên bao bì. Tuy nhiên, mã định danh lô hàng, tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở bao gói có thể được thay bằng dấu nhận biết, với điều kiện là dấu này có thể nhận biết dễ dàng bằng các tài liệu kèm theo.

Đồ uống đại mạch phải được bảo quản ở nơi khô, sạch, ở điều kiện nhiệt độ thích hợp,

đảm bảo an toàn thực phẩm. Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện đảm bảo an toàn thực phẩm và không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Hàm lượng kim loại nặng và phụ gia thực phẩm, giới hạn vi sinh vật phải đảm bảo theo quy định hiện hành./.

(Anh Minh)

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG AI

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang được sử dụng trong nhiều ứng dụng ngày càng phát triển, từ chăm sóc sức khỏe, tài chính cho đến ô tô tự lái. Khi các hệ thống này trở nên phức tạp hơn và được tích hợp vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta, IEC và ISO đã công bố một tiêu chuẩn quốc tế mới thiết yếu để đảm bảo rằng chúng đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn chất lượng và thông số kỹ thuật cần thiết.



Tiêu chuẩn ISO/IEC 25059 đã được xây dựng nhằm điều chỉnh phương pháp luận đã được sử dụng trong các Tiêu chuẩn ISO/IEC khác để đánh giá chất lượng của phần mềm và hệ thống. Những tiêu chuẩn này được gọi là SQuaRE (Yêu cầu và đánh giá chất lượng phần mềm và hệ thống) bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau của chất lượng phần mềm, chẳng hạn như yêu cầu, thiết kế, kiểm tra, bảo trì và đánh giá.

Ông Wael William Diab, chủ tịch tiểu ban SC 42, thuộc ủy ban IEC và ISO về AI, cho biết: “Chúng tôi đang tận dụng thành công các tiêu chuẩn được áp dụng tốt về chất lượng phần mềm”. Chúng tôi đang giải quyết vấn đề chất lượng trong bối cảnh phát triển hệ thống, tiểu ban SC 42 đang xem xét toàn bộ hệ sinh thái và vòng đời, bao gồm cả việc đảm bảo chất lượng phát triển và triển khai hệ thống AI.”

Tiêu chuẩn mới cung cấp các mô hình chất lượng cho hệ thống AI với thuật ngữ nhất quán để xác định, đo lường và đánh giá chất lượng hệ thống. Nó bao gồm các đặc tính chất lượng và các đặc tính phụ dành riêng cho AI, cũng như những đặc tính đã được xác định trong các tiêu chuẩn chất lượng phần mềm như ISO/IEC 25010.

Trưởng dự án ông Adam Leon Smith cho biết: “ISO/IEC 25059 xác định các yêu cầu về chất lượng cho hệ thống AI và cũng cung cấp các hướng dẫn để đo lường và đánh giá chất lượng của hệ thống AI”. Một số đặc điểm chất lượng có thể liên quan đến hệ thống AI bao gồm độ chính xác, khả năng diễn giải, tính mạnh mẽ, tính công bằng, quyền riêng tư và bảo mật.”

Việc triển khai ISO/IEC 25059 có thể giúp đảm bảo rằng các hệ thống AI được phát triển và thử nghiệm để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cần thiết trước khi chúng được tung ra thị trường. Điều này có thể bao gồm việc kiểm tra độ chính xác, độ tin cậy và độ

bền của các mô hình AI, cũng như đảm bảo rằng hệ thống đáp ứng các yêu cầu về đạo đức và pháp lý.

Nhóm làm việc cho biết: “Khi lĩnh vực AI tiếp tục phát triển, tiêu chuẩn ISO/IEC 25059 đảm bảo rằng các hệ thống AI được phát triển và đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng cao nhất có thể để đảm bảo tính an toàn, độ tin cậy và hiệu quả của chúng trong các ứng dụng trong thế giới thực”.

Bà Domenico Natalie, nhân viên liên lạc cho biết: “Bằng cách kết hợp cả quan điểm của nhà phát triển với quan điểm của người dùng thông qua kiến trúc mô-đun, dòng SQuaRE đã trở nên thiết yếu đối với nhiều hệ thống CNTT”. “Việc mở rộng các tiêu chuẩn cơ bản với phương pháp tiếp cận AI này thông qua ISO/IEC 25059 cho phép tạo ra một khuôn khổ có cấu trúc và nhất quán để đánh giá và đánh giá chất lượng của hệ thống AI, có tính đến các đặc điểm và đặc điểm phụ cụ thể liên

quan đến AI, đồng thời tận dụng chất lượng phần mềm hiện có. tiêu chuẩn.”

Điều quan trọng cần lưu ý là ISO/IEC 25059 chỉ cung cấp các mô hình chất lượng làm nền tảng để đánh giá các hệ thống AI. Hướng dẫn đánh giá cũng như các biện pháp và thước đo cụ thể để đánh giá hệ thống AI đang được phát triển theo một thông số kỹ thuật (TS) riêng.

Tiểu ban SC 42 dự kiến sẽ xuất bản TS mới vào năm tới. Kiến trúc mô-đun của dòng SQuaRE này cho phép phát triển hướng dẫn đánh giá cụ thể phù hợp với các lĩnh vực và ứng dụng khác nhau.

Tiểu ban SC 42 cũng hợp tác chặt chẽ với SC7, ủy ban phát triển các tiêu chuẩn SQuaRE, về ISO/IEC 25059. Hai ủy ban đã thành lập một nhóm làm việc chung về thử nghiệm hệ thống AI./.

(*Hồng Anh*)

ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN AN TOÀN CHO CÁC MÁY NÂNG

Một phiên bản tiêu chuẩn IEC 60204-32 được xuất bản bởi Ủy ban kỹ thuật IEC 44 gần đây đã được cập nhật bổ sung, tiêu chuẩn này bao hàm tất về sự an toàn của các máy sử dụng điện hoặc điện tử để hoạt động. Các phiên bản có nhận xét (CMV) là các phiên bản có ranh giới đỏ trong đó các chuyên gia của IEC đã bổ sung các nhận xét

quan trọng và sâu rộng giải thích những thay đổi.

Được biết, tiêu chuẩn IEC 60204-32:2023 trước đó áp dụng cho các hệ thống và thiết bị điện, điện tử, điện tử có thể lập trình cho máy nâng và các thiết bị liên quan, bao gồm một nhóm máy nâng hoạt động cùng nhau theo cách thức phối hợp. Thiết bị được đề cập trong tài liệu này bắt đầu tại điểm kết nối nguồn điện với thiết bị điện của máy nâng (công tắc cung cấp cần cẩu) và bao gồm các hệ thống cung cấp điện và bộ cấp nguồn điều khiển nằm bên ngoài máy nâng, ví dụ như linh hoạt. cáp hoặc dây dẫn hoặc thanh dẫn. Tiêu chuẩn này áp dụng cho thiết bị hoặc các bộ phận của thiết bị có điện áp không vượt quá 1 000 V AC hoặc 1 500 V



DC giữa các đường dây và có tần số danh định không vượt quá 200 Hz.

Máy nâng được phát minh để giúp con người mang và di chuyển những vật nặng mà nếu không họ sẽ gặp khó khăn khi nâng. Trong khi việc cầu thời xưa được thực hiện nhờ năng lượng thủy lực hoặc sức kéo của động vật thì ngày nay hầu hết các máy cầu đều chạy bằng điện.

Chúng phổ biến ở các công trường xây dựng, trong các xưởng đóng tàu để dỡ hàng, cũng như trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nơi chúng được sử dụng để nâng những người có vấn đề về di chuyển ra khỏi giường. Chúng bao gồm các loại cầu cầu và tời khác nhau, cũng như các máy lưu trữ và thu hồi

Phần bổ sung của tiêu chuẩn IEC 60204 (IEC 60204-32) áp dụng cho việc ứng dụng các hệ thống và thiết bị điện, điện tử vào máy nâng và các thiết bị liên quan. Tiêu chuẩn này áp dụng cho thiết bị hoặc các bộ phận của thiết bị có dòng điện xoay chiều (AC) không vượt

quá 1 000 V hoặc dòng điện một chiều (DC) 1 500 V giữa các đường dây và có tần số danh định không vượt quá 200 Hz.

Phiên bản thứ ba của tiêu chuẩn này thay thế phiên bản trước đó, được xuất bản năm 2008 và hiện đã bị thu hồi. Các yêu cầu về an toàn được đề cập trong tiêu chuẩn này rất sâu rộng và bao gồm, ví dụ, bảo vệ chống đoản mạch, điện giật hoặc quá điện áp do sét và đột biến chuyển mạch. Chuyên gia về tiêu chuẩn IEC TC 44, ông Gerhard Schmid giải thích: “Chúng tôi rất vui mừng được xuất bản phiên bản thứ ba này dưới dạng đóng góp ý kiến nhận xét – nó cho phép chúng tôi giải thích cặn kẽ những thay đổi mà chúng tôi đã thực hiện so với phiên bản trước, từ đó người tiêu dùng hay các doanh nghiệp sử dụng tiêu chuẩn này có thể hiểu chi tiết hơn về thiết bị mình đang sử dụng cũng như chất lượng tiêu chuẩn đảm bảo cho máy móc được nâng cấp.”./.

(Phạm Hòa)

HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN GÓP PHẦN BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Hoạt động công nhận đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng các hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận và giám định, góp phần tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho hoạt động thương mại trên thị trường quốc gia cũng như quốc tế.

Hoạt động công nhận góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ công tác quản lý của nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp, cũng như bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, thì việc doanh nghiệp phải tuân thủ luật chơi chung khi làm việc với đối tác nước ngoài là yêu cầu tất yếu. Đến tháng 8/2023, cả nước đã có 3.012 tổ chức đánh giá sự phù hợp, hợp chuẩn được công nhận, trong đó có 2.164 phòng thử nghiệm được công nhận ISO/IEC 17025, 210 phòng hiệu



chuẩn được công nhận ISO/IEC 17025, 398 phòng xét nghiệm y tế được công nhận ISO 15189, 82 tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý được công nhận ISO/IEC 17021, 65 tổ chức chứng nhận sản phẩm được công nhận ISO/IEC

17065, 95 tổ chức giám định được công nhận ISO/IEC 17020.



Có thể thấy hoạt động công nhận đóng vai trò quan trọng tại Việt Nam, cụ thể, hoạt động công nhận là một trong những cấu phần quan trọng của hạ tầng chất lượng quốc gia. Hiện nay hạ tầng chất lượng quốc gia có 5 cấu phần quan trọng bao gồm tiêu chuẩn hóa, đo lường, công nhận đánh giá sự phù hợp, giám sát kiểm tra và thanh tra. Tại mỗi quốc gia, hạ tầng chất lượng quốc gia đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống.

Bên cạnh đó, đảm bảo và nâng cao chất lượng các hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng nhận và giám định. Đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp khi được tổ chức bên thứ 3 công nhận, thừa nhận quốc tế khi đánh giá sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước an tâm và sử dụng kết quả

công nhận phục vụ quản lý nhà nước, đồng thời kết quả đánh giá giúp đảm bảo các tổ chức và cá nhân tham gia đều có cơ hội cạnh tranh dựa trên chất lượng và hiệu suất.

Cùng với đó, hỗ trợ công tác quản lý của nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp và bảo vệ người tiêu dùng. Hoạt động công nhận cung cấp cơ sở cho công tác quản lý và giám sát của nhà nước, các cơ quan chức năng sử dụng các tiêu chuẩn và quy trình công nhận để đánh giá và kiểm soát các hoạt động đánh giá sự phù hợp và bảo vệ người tiêu dùng.

Ngoài ra, hoạt động công nhận là nền tảng cho việc thúc đẩy sự thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp giữa các nước trong khu vực và quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã tham gia 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là 3 hiệp định lớn là CPTPP, Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), RCEP. Các hiệp định trên đều có một chương về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp. Thông qua các hiệp định này, tất cả cam kết của Việt Nam trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp cần triển khai thực hiện hướng tới mục tiêu một chứng chỉ, một lần đánh giá và được thừa nhận mọi nơi./.

(*Hồng Vân*)

LẤY Ý KIẾN VỀ 05 DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA ĐỐI VỚI XĂNG DẦU

Bộ KH&CN đang xây dựng 05 Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về (i) xăng không chì; (ii) xăng không chì pha 5% etanol (xăng E5); (iii) xăng không chì pha 10% etanol (xăng E10); (iv) nhiên liệu điêzen (D0); (v) nhiên liệu điêzen pha 5% este metyl axít béo (D0 B5) (sau đây gọi tắt là Dự thảo).

Các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia hiện đang được lấy ý kiến đối tượng chịu tác động. Dự thảo quy định về yêu cầu kỹ thuật, phương

pháp thử và lấy mẫu đối với 5 loại nhiên liệu nêu trên. Dự kiến văn bản sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp kinh doanh, nhập khẩu xăng dầu.

Dự thảo TCVN 6776 về xăng không chì TCVN 6776:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Về phạm vi áp dụng,



mẫu tuân theo TCVN 6022 (ISO 3171) hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057).

TCVN 8064:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với nhiên liệu diesel dầu mỏ có pha este metyl axit béo (FAME) với tỷ lệ từ 4 % đến 5 % theo thể tích (viết tắt là “DO

tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với xăng không chì, dùng làm nhiên liệu cho động cơ đánh lửa.

Các loại phụ gia sử dụng để pha xăng không chì phải đảm bảo phù hợp các quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu. Việc lấy mẫu tiến hành theo TCVN 6022 (ISO 3171) hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057).

Dự thảo TCVN 8063 về xăng E5

TCVN 8063:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với xăng không chì có pha etanol nhiên liệu với tỷ lệ từ 4 % đến 5 % theo thể tích (viết tắt là “xăng E5”), để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đánh lửa.

Các loại phụ gia sử dụng để pha xăng E5 phải đảm bảo phù hợp quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống phương tiện/thiết bị/ phụ trợ sử dụng trong tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu. Việc lấy

B5”), để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ diesel của xe cơ giới.

Các loại phụ gia sử dụng để pha nhiên liệu diesel B5 phải đảm bảo phù hợp quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống phương tiện/ thiết bị/phụ trợ sử dụng trong tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu. Việc lấy mẫu tuân thủ theo TCVN 6022 (ISO 3171) hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057).

Dự thảo TCVN 8401 về xăng E10

TCVN 8401:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với xăng không chì có pha etanol nhiên liệu với tỷ lệ từ 9% đến 10% theo thể tích (viết tắt là “xăng E10”), để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đánh lửa.

Các loại phụ gia sử dụng để pha xăng E10 phải đảm bảo phù hợp quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống phương tiện/thiết bị/ phụ trợ sử dụng trong tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu. Lấy mẫu

theo TCVN 6022 (ISO 3171) hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057).

Dự thảo TCVN 5689 về nhiên liệu diesel (DO)

TCVN 5689:2023 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối

với nhiên liệu diesel, dùng làm nhiên liệu cho động cơ diesel của xe cơ giới.

Các loại phụ gia sử dụng để pha nhiên liệu diesel phải đảm bảo phù hợp quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu. Lấy mẫu theo TCVN 6022 (ISO 3171) hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057)./.

(Anh Đức)

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG THỰC PHẨM HALAL CƠ HỘI LỚN CHO DOANH NGHIỆP VIỆT

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã huy động các nguồn lực và đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm xây dựng, phát triển ngành Halal Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện.



Thị trường thực phẩm Halal toàn cầu là một trong những thị trường có tiềm năng rất lớn cũng như triển vọng tăng trưởng ngày càng cao. Đây cũng là cơ hội lớn cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất nông sản, thực phẩm thâm nhập thị trường này.

Việt Nam được biết đến là quốc gia có nhiều tiềm năng xuất khẩu sản phẩm ngành Halal, với các lý do như vị trí địa lý thuận lợi, gần thị trường Halal lớn tại Đông Nam Á, châu

Á... có nhiều thế mạnh về thực phẩm, du lịch, dịch vụ, đặc biệt là có nền nông nghiệp phát triển, với nhiều loại nông sản chất lượng cao. Việt Nam cũng có nền công nghiệp chế biến thực phẩm hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt về sản phẩm ngành Halal.

Việt Nam là thị trường rộng lớn và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, toàn diện khi tham gia nhiều liên kết kinh tế hàng đầu khu vực, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Có thể nói, Việt Nam hiện là mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế hàng đầu khu vực và liên khu vực: Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... Đây là cơ sở quan trọng giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường, kể cả các thị trường khó tính, tiêu chuẩn cao như EU, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam, trong đó có sản phẩm Halal.

Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm tới việc khai mở và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào thị trường Halal toàn cầu. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã huy



động các nguồn lực và đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm xây dựng, phát triển ngành Halal Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện.

Halal không còn đơn thuần là tiêu chuẩn dành riêng cho người theo đạo Hồi mà đang dần trở thành tiêu chuẩn mới về bảo đảm an toàn, vệ sinh và chất lượng sản phẩm. Hiện

nay, ngày càng nhiều người tiêu dùng, quốc gia không theo đạo Hồi quan tâm và lựa chọn sử dụng các sản phẩm, dịch vụ Halal.

Để mở cửa thị trường, doanh nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn Halal. Halal có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập, có nghĩa là “hợp pháp” và các sản phẩm Halal chính là sản phẩm phù hợp quy định của pháp luật Hồi giáo. Đối lập với Halal là Haram, có nghĩa là trái

pháp luật hoặc bị cấm. Halal và Haram là những thuật ngữ áp dụng cho tất cả khía cạnh của cuộc sống người Hồi giáo. Đối với người Hồi giáo, sản phẩm Halal không chỉ là lựa chọn ưu tiên mà còn là nghĩa vụ tôn giáo. Người Hồi giáo chỉ tiêu thụ sản phẩm Halal./.

(Phạm Hòa)

RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY CHUẨN CHO XE ĐIỆN TẠI VIỆT NAM

Bộ GTVT đang xin ý kiến rộng rãi từ doanh nghiệp đến cơ quan quản lý Nhà nước về nội dung của quy chuẩn 09, dự kiến trong đầu năm sau sẽ trình để ban hành.



Nhằm thúc đẩy phát triển xe điện, Việt Nam hiện đã có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản xuất, lắp ráp ô tô điện, một số chính sách hỗ trợ tương đương hoặc thậm chí cao hơn một số nước trong khu vực. Các chính sách để khuyến khích sử dụng ô tô điện của Việt Nam đang tập trung vào dòng xe điện chạy pin thông qua các ưu đãi về thuế dành cho cả doanh nghiệp sản xuất xe điện (thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp...) cũng như trong việc hỗ trợ cho người sử dụng xe điện được sử dụng xe điện với chi phí thấp hơn (thuế tiêu thụ đặc biệt, lệ phí trước bạ).

Về định hướng xây dựng các quy hoạch, quy định về hạ tầng kỹ thuật trong xây dựng để thúc đẩy phát triển xe điện, ông Trần Hoài Anh, Phó cục trưởng Cục Hạ

tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) cho biết, Bộ đang soạn thảo và đề xuất ban hành hai luật gồm Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Phát triển đô thị. Trong đó, có các chính sách liên quan đến hạ tầng giao thông đô thị, đặc biệt là các phương tiện điện hóa và sử dụng năng lượng xanh. Cả hai luật này sẽ được trình lên Quốc hội trong năm 2024 và có thể sẽ áp dụng từ đầu năm 2025.

"Các đơn vị liên quan cũng đang rà soát, điều chỉnh Quy chuẩn 01, trong đó lồng ghép các chỉ tiêu về việc tỉ lệ trạm sạc xe điện chiếm bao nhiêu phần trăm ở hầm gửi xe chung cư. Cùng đó, Quyết định 766/QĐ-BXD cũng yêu cầu các đơn vị rà soát, nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật để xây dựng hạ tầng trạm sạc điện, cũng như ban hành định mức xây dựng để áp dụng rộng rãi hơn", ông Trần Hoài Anh cho biết.

Về việc bổ sung các bộ quy chuẩn liên quan đến xe điện, ông Phạm Minh Thành, Phó cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam cho biết, đã có kế hoạch xây dựng sửa đổi bổ sung Quy chuẩn 09 liên quan đến phương tiện ô tô nói chung, trong đó có ô tô điện. Bộ GTVT đang xin ý kiến rộng rãi từ doanh nghiệp đến cơ quan

quản lý Nhà nước về nội dung của quy chuẩn, dự kiến trong đầu năm sau sẽ trình để ban hành.

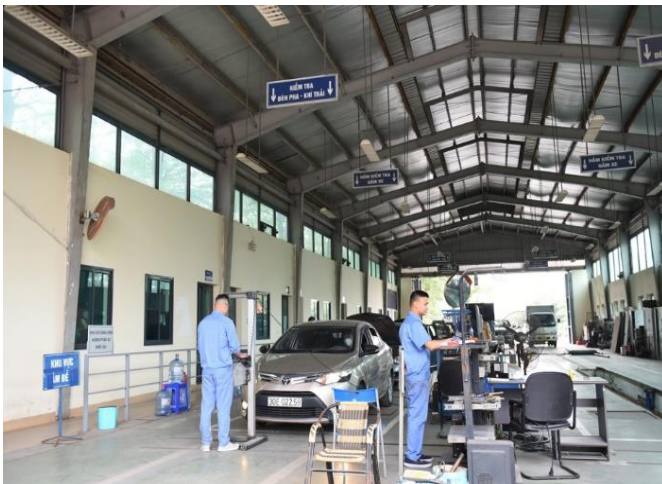
Ở cấp địa phương, đại diện Sở GTVT Hà Nội và TP.HCM cũng cho biết sẽ ban hành những lộ trình chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng. Với Hà Nội, mục tiêu đặt ra lộ trình chuyển đổi dự kiến chia thành từng giai đoạn. Giai đoạn 1 (2025-2030) với tỉ lệ chuyển đổi trung bình đạt 7,73%/năm, số lượng xe được chuyển đổi trung bình đạt 157 xe/năm. Giai đoạn 2 kéo dài từ năm 2031-2035, với tỉ lệ chuyển đổi trung bình đạt 8,0%/năm, số lượng xe được chuyển đổi trung bình đạt 162 xe/năm.

Ông Bùi Hòa An, Phó giám đốc Sở GTVT TP.HCM cho biết, Viện Nghiên cứu phát triển TP.HCM đã được UBND giao xây dựng chủ trương phát triển xe điện hóa và xe thân thiện môi trường, dự kiến trình lên từ đầu năm 2024... "Sắp tới, TP.HCM dự kiến khoanh vùng một số khu vực để trở thành khu vực dùng xe không phát thải, như ở các quận trung tâm của thành phố" ./.

(Bảo Linh)

SẼ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Bộ GTVT đang lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.



Điểm đáng chú ý tại dự thảo quy chuẩn mới đó là quy định về các thiết bị kiểm tra tối thiểu của đơn vị đăng kiểm thay vì quy định thiết bị kiểm tra của một dây chuyền kiểm định như tại Quy chuẩn 103/2019 hiện hành.

Theo đó, các thiết bị kiểm tra tối thiểu gồm: Thiết bị kiểm tra phanh; Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe; Thiết bị phân tích khí xả; Thiết bị đo độ khói; Thiết bị đo âm lượng; Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước; Thiết bị rung lắc (thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm); Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới hoặc hầm kiểm tra.

Trong đó, thiết bị phân tích khí xả không áp dụng với đơn vị đăng kiểm chỉ kiểm định xe trang bị động cơ diesel và xe điện. Thiết bị đo

độ khói không áp dụng với đơn vị đăng kiểm chỉ kiểm định xe trang bị động cơ xăng và xe điện.

Các thiết bị phân tích khí xả, đo độ khói, đo âm lượng, kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước có thể dùng chung cho các dây chuyền kiểm định. Ngoài ra, quy chuẩn sửa đổi cũng quy định rõ thiết bị cân (chỉ áp dụng cho đơn vị đăng kiểm có đăng ký nghiệm thu cải tạo xe cơ giới).

Theo ban soạn thảo, quy định này nhằm giúp các dây chuyền kiểm định có thể dùng chung một số thiết bị và trang bị thiết bị phù hợp với loại phương tiện mà đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định, cho phép tối ưu sử dụng thiết bị, tránh lãng phí cho các trung tâm đăng kiểm.

Ông Nguyễn Xuân Ước, Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm 1908D cho biết, việc sửa đổi này rất phù hợp, tạo thuận lợi cho các đơn vị đăng kiểm trong quá trình trang bị, sử dụng thiết bị kiểm định, giúp tiết giảm chi phí, nhất là trong giai đoạn khó khăn hiện nay khi hầu hết các trung tâm đăng kiểm đang phải gồng lỗ. Dự thảo quy chuẩn cũng quy định rõ các thiết bị phải đáp ứng các tiêu chuẩn tương ứng và phải được trang bị kèm theo bộ dụng cụ kiểm tra, đánh giá (thiết bị, dụng cụ ca líp) phù hợp với kiểu loại thiết bị của đơn vị theo quy định của nhà sản xuất đối với các thiết bị kiểm tra như: thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị đo độ khói.

Tuy nhiên, theo các đơn vị đăng kiểm, không nhiều đơn vị cung cấp thiết bị kiểm định có trang bị kèm bộ dụng cụ để hiệu chuẩn thiết bị khi bán cho các đơn vị đăng kiểm. Hiện nay, nếu phải trang bị sẽ gây tốn kém số tiền gần trăm triệu đồng trong khi không sử dụng nhiều, gây lãng phí và khó khăn cho các đơn vị đăng kiểm trong bối cảnh hiện nay.

Về vấn đề này, ban soạn thảo cho biết, đơn vị đăng kiểm có thể trang bị hoặc thuê song theo ông Ước, cần quy định rõ điều này tại quy chuẩn tránh tình trạng phải tranh cãi

khi triển khai, tạo thuận lợi cho các trung tâm đăng kiểm.

Về quy định đối với các thiết bị, dự thảo quy chuẩn mới cũng nêu rõ, đối với các thiết bị đã qua sử dụng được trang bị lần đầu thì phải đảm bảo có thời gian tính từ năm sản xuất đến năm trang bị không quá 5 năm nhằm đảm bảo khả thi trong quá trình kiểm tra, đánh giá. Ngoài ra, các thiết bị trang bị phải đảm bảo có chất lượng, hiệu quả sử dụng, tuổi bền cao; tránh việc sử dụng các thiết bị không đảm bảo chất lượng.

Tại yêu cầu về xưởng kiểm định, vị trí kiểm tra, quy chuẩn sửa đổi theo hướng không quy định cụ thể về kết cấu, vật liệu, chỉ đưa ra yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, đơn vị xây dựng, thành lập trung tâm đăng kiểm khi trang bị cơ sở vật chất.

Đối với quy định vị trí kiểm tra phanh, đã bỏ nội dung: Trường hợp lắp đặt bộ thử phanh trên hầm kiểm tra phải có hệ thống tự động dừng hoạt động của bộ thử phanh khi có người ở dưới hầm; bộ thử phanh được lắp đặt sao cho các thiết bị khác không làm cản trở việc kiểm tra phanh.

Theo ban soạn thảo thực tế các nhà sản xuất thiết bị không thiết kế chức năng này nên không cần thiết phải quy định gây khó khăn cho các đơn vị khi triển khai.

Ngoài ra, dự thảo cũng quy định chi tiết hơn về Chương trình phần mềm quản lý kiểm định, cơ sở dữ liệu kiểm định, nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định nhằm phù hợp với thực tế.

Đối với hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị đăng kiểm, dự thảo quy định bao gồm mạng máy tính cục bộ (LAN), mạng máy tính diện rộng (WAN) khuyến khích sử dụng 2 đường kết nối Internet của 2 nhà cung cấp dịch vụ khác nhau; các phần mềm hệ thống có bản quyền như hệ điều hành Windows Server cho máy chủ, Windows cho máy trạm, hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server và phần mềm cho firewall, phòng chống virus tin học.

Dây chuyền kiểm định phải bố trí camera sử dụng riêng cho việc giám sát kiểm định xe cơ giới; đảm bảo quan sát, lưu trữ được clip, hình ảnh các vị trí kiểm tra trên dây chuyền kiểm định.

Dự thảo quy chuẩn đã bổ sung trách nhiệm của Sở GTVT kiểm tra, đánh giá lần đầu, định kỳ hàng năm, bổ sung và đột xuất các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm theo quy định tại quy chuẩn này, phù hợp với quy định tại Nghị định 30/2023 về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Ngoài ra, cũng nêu rõ: Trong trường hợp Sở GTVT chưa thực hiện được việc kiểm tra, đánh giá lần đầu, định kỳ hàng năm và đột xuất các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm theo quy định tại quy chuẩn này thì Sở GTVT có văn bản đề nghị Cục ĐKVN tiếp tục thực hiện nhưng không quá ngày 31/12/2025.

Đối với đơn vị đăng kiểm, quy chuẩn sửa đổi nêu rõ có trách nhiệm: Duy trì cơ sở vật chất đã được chứng nhận theo quy định để đảm bảo kết quả kiểm định chính xác, khách quan; khi thay đổi bố trí mặt bằng, xưởng kiểm định, khu vực kiểm tra và thiết bị kiểm tra phải được Sở GTVT kiểm tra, đánh giá lại. Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá lần đầu, định kỳ hàng năm và đột xuất.

Ngoài ra còn có trách nhiệm duy trì tính năng kỹ thuật, độ chính xác của thiết bị, bảo dưỡng thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị.

Khi thay đổi về một trong các nội dung về: cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm điều khiển thiết bị hoặc xảy ra sự cố đối với các thiết bị mà có ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của đơn vị kiểm định phải báo cáo Sở GTVT để được xem xét, chấp thuận../.
(*Hồng Anh*)

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XĂNG DẦU THEO QCVN 01:2022/BKHCN

Sản phẩm xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học sản xuất, pha chế, nhập khẩu và phân phối phải đáp ứng các quy định tại quy chuẩn QCVN 01:2022/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường.



Theo đó, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học (QCVN 01:2022/BKHCN) quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến

an toàn: sức khỏe, môi trường và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với các loại xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học, bao gồm: Xăng không chì, xăng E5, xăng E10; Nhiên liệu diesel, nhiên liệu diesel B5; Nhiên liệu sinh học gốc: Etanol nhiên liệu không biến tính, etanol nhiên liệu biến tính và nhiên liệu diesel sinh học gốc B100.

Các nhiên liệu trong Quy chuẩn kỹ thuật này có mã HS được quy định trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022.

Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với các loại nhiên liệu sử dụng trong ngành hàng không và mục đích quốc phòng. Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu,

sản xuất, pha chế, phân phối và bán lẻ các loại xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.

Về quy định quản lý, xăng không chì, xăng E5, xăng E10, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu điêzen B5, etanol nhiên liệu biến tính, etanol nhiên liệu không biến tính, nhiên liệu điêzen sinh học gốc sản xuất, pha chế trong nước phải được công bố hợp quy phù hợp quy định liên quan tại các khoản 2.1, 2.2, 2.3 Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

Việc công bố hợp quy xăng không chì, xăng E5, xăng E10, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu điêzen B5, etanol nhiên liệu biến tính, etanol nhiên liệu không biến tính, nhiên liệu điêzen sinh học gốc sản xuất, pha chế trong nước phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN), Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (viết tắt là Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN) và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ (viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN).

Căn cứ để công bố hợp quy là kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định trong lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày

15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (viết tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP), Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP).

Xăng không chì, xăng E5, xăng E10, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu điêzen B5, etanol nhiên liệu biến tính, etanol nhiên liệu không biến tính, nhiên liệu điêzen sinh học gốc nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy định tại Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi lưu thông trên thị trường. Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

Căn cứ để kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu là kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định trong lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận, thanh tra, kiểm tra chất lượng xăng không chì, xăng E5, xăng E10, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu điêzen B5, etanol nhiên liệu biến tính, etanol nhiên liệu không biến tính, nhiên liệu điêzen sinh học gốc phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật này phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị

định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

Lộ trình áp dụng

Kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023, sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học sản xuất, pha chế, nhập khẩu và phân phối phải đáp ứng các quy định tại QCVN 01:2022/BKHCN trước khi lưu thông trên thị trường.

Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, pha chế, nhập khẩu và phân phối xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học áp dụng các quy định tại QCVN 01:2022/BKHCN kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Về điều khoản chuyển tiếp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp

dụng theo Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN và QCVN 1:2015/BKHCN hoặc theo QCVN 01:2022/BKHCN đối với các sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen mức 2, mức 3, mức 4 sản xuất, pha chế, nhập khẩu, phân phối từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Các sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen mức 2, mức 3, mức 4 sản xuất, pha chế, nhập khẩu, phân phối đã được chứng nhận hợp quy theo QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN và lưu thông trên thị trường trước ngày 15 tháng 6 năm 2023 được tiếp tục lưu thông trên thị trường đến ngày 15 tháng 6 năm 2024./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ PHÂN TÍCH ĐẤT VÀ CHẤT THẢI SINH HỌC

Xử lý rác thải bằng phương pháp sinh học đóng một vai trò quan trọng trong quản lý chất thải. Vì nó có thể xử lý hiệu quả 1 tỷ lệ chất thải rắn y tế, đô thị, công nghiệp



Ủy ban quản lý chất thải của ASTM International (D34) đã phê duyệt một tiêu chuẩn mới để phân tích đất và chất rắn sinh học về khả năng ô nhiễm từ các chất per- và polyfluoroalkyl (PFAS).

PFAS là một nhóm các hóa chất tổng hợp phổ biến tồn tại trong môi trường và cơ thể con người, có thể gây ra các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng.

Ông William Lipps, thành viên ASTM, cho biết: “Ô nhiễm PFAS đang là mối lo ngại lớn, ngày càng tăng trên toàn thế giới. Ủy ban nước của ASTM (D19) đã phát triển hai phương pháp xác định PFAS trong nước (D7979 và D8421), nhưng cần có phương pháp PFAS trong ma trận rắn.”

Theo Lipps, các thành phố tự quản đã áp dụng chất rắn sinh học lên bề mặt đất ở nhiều địa điểm khác nhau trong nhiều năm, bao gồm đất nông nghiệp, rừng, khu khai hoang mỏ, công viên và sân golf.

Lipps cho biết: “Có thể những vật liệu rắn sinh học này có chứa PFAS”. “Tiêu chuẩn mới này là một phương pháp nhanh chóng, tiết kiệm chi phí với độ chính xác đã biết và có thể được các phòng thí nghiệm sử dụng để đánh giá mức độ ô nhiễm PFAS trong các loại mẫu này”.

Nỗ lực này liên quan trực tiếp đến Mục tiêu phát triển bền vững số 12 của Liên hợp quốc về sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm. Theo Lipps, phương pháp thử nghiệm được

BS ISO 7101 : KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Trong thời đại mà các hệ thống chăm sóc sức khỏe trên toàn thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, thì BS ISO 7101 chính là tiêu chuẩn đồng thuận quốc tế đầu tiên về quản lý chất lượng chăm sóc sức khỏe.



Từ việc giảm nguồn tài chính và thiếu hụt lực lượng lao động đến tỷ lệ mắc các bệnh mãn tính ngày càng tăng và không đủ dữ liệu để đưa ra quyết định sáng suốt, các tổ chức chăm sóc sức khỏe trên toàn cầu đã gặp phải những thách thức đáng kể trong những năm gần đây.

Tiêu chuẩn BS ISO 7101:2023 - Quản lý tổ chức y tế. Hệ thống quản lý chất lượng trong các tổ chức chăm sóc sức khỏe. Yêu cầu, có thể áp dụng cho bất kỳ hệ thống, tổ chức hoặc thực thể chăm sóc sức khỏe nào đang tìm

cách nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe của mình.

BS ISO 7101 thiết lập lộ trình để các tổ chức chăm sóc sức khỏe áp dụng cách tiếp cận có hệ thống hướng tới hệ thống y tế chất lượng cao, bền vững.

Nó phác thảo một khuôn khổ toàn diện để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và kết quả chăm sóc. Tiêu chuẩn này bao gồm một tập hợp các yêu cầu thiết yếu được thiết kế để hướng dẫn các tổ chức có quy mô, cơ cấu và khu vực khác nhau. Bao gồm các:

- xây dựng văn hóa chất lượng,
- đón nhận sự chăm sóc lấy con người làm trung tâm,
- xác định và quản lý rủi ro,
- đảm bảo an toàn cho bệnh nhân và lực lượng lao động,
- kiểm soát việc cung cấp dịch vụ thông qua các quy trình được ghi lại,
- và liên tục theo dõi và cải tiến hiệu quả hoạt động.

Điều này có thể mang lại lợi ích trong việc chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân và còn có thể định vị tổ chức chăm sóc sức khỏe của bạn như một nhà cung cấp dịch vụ đáng tin cậy và chất lượng cao./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN GIÚP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA KHĂN LAU KHÁNG KHUẨN

Khăn ướt kháng khuẩn là loại khăn ẩm với công thức khử trùng, chuyên dùng để ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của vi trùng trên các bề mặt và da.

Ủy ban thuốc trừ sâu, chất kháng khuẩn và chất kiểm soát thay thế (E35) của ASTM đã phát triển một phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn cho khăn lau kháng khuẩn (khăn lau).

Phương pháp, được chỉ định là E3363, cung cấp cách để xác định định lượng hiệu quả của khăn lau kháng khuẩn trong việc xử lý các bề mặt cứng, không xếp chồng lại một số vi khuẩn.



Theo Rebecca Pines, thành viên của ASTM International, phương pháp thử nghiệm này sẽ rất hữu ích.

Pines, giám đốc chi nhánh tại Phòng thí nghiệm Vi sinh OPP, một bộ phận của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ, cho biết: “Phương pháp này có thể được các nhà sản xuất khăn lau kháng khuẩn, người đăng ký và phòng thí nghiệm thử nghiệm sử dụng để đánh giá hiệu quả của sản phẩm trong quá trình phát triển sản phẩm và/hoặc thử nghiệm đăng ký”. “Các cơ quan quản lý có thể sử dụng phương pháp này để đánh giá các công bố về kháng sinh đối với các loại sản phẩm.”./.

(*Hồng Vân*)

XÂY DỰNG QUY CHUẨN QUẢN LÝ MÁY CẮT CỎ, MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP

Bộ NN&PTNT đang xây dựng 02 Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với 2 sản phẩm gồm: máy gặt đập liên hợp và máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông, lâm nghiệp.



các loại máy cầm tay. Trong quá trình làm việc các bộ phận quay với tốc độ cao, có thể lên đến 9000 vòng/phút, tải trọng tác động luôn thay đổi nên rất có nguy cơ mất an toàn do độ rung, ồn, bị văng bắn lưỡi dao hoặc các đoạn cành cây, đá, sỏi văng ra từ lưỡi dao. Việt Nam hiện cũng đang sử dụng nhiều loại máy cắt cỏ cầm tay nhưng chưa có quy chuẩn quy định an toàn cho loại máy này.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, việc xây dựng quy chuẩn quốc gia về an toàn đối với máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp là rất thuận tiện và cần thiết hiện nay cho việc quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động vận hành.

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về máy cắt cỏ cầm tay

Trong sản xuất nông lâm nghiệp, việc cắt cỏ và làm vườn, cắt tỉa cành cây chủ yếu dùng

Về phạm vi điều chỉnh, Quy chuẩn này quy định về kỹ thuật, quy định về quản lý đảm bảo an toàn đối với máy cắt cỏ làm vườn loại cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp (Mã HS 84332000). Trong máy cắt cỏ

cầm tay đeo vai dùng trong nông lâm nghiệp bao gồm máy cắt bụi cây, máy xén cỏ, máy cưa bụi cây và máy xén mép cỏ. Chúng là những máy cắt cỏ làm vườn loại cầm tay chỉ khác nhau về bộ phận cắt.

Đối tượng áp dụng bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối và kinh doanh các loại máy cắt cỏ làm vườn loại cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp.



Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy gặt đập liên hợp

Bộ NN&PTNT cho hay, việc áp dụng máy móc vào sản xuất nông lâm nghiệp là nhu cầu tất yếu của tất cả các nước trên thế giới hiện nay. Mỗi khâu sản xuất khác nhau yêu cầu trang bị các loại máy khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng khâu sản xuất. Việc đưa máy móc, thiết bị vào sản xuất nông nghiệp đã góp phần thay thế lao động thủ công và nâng cao thu nhập cho nông dân. Song máy móc, thiết bị đã và đang gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và tính mạng của người sử dụng.

Máy gặt đập liên hợp là loại máy thu hoạch thực hiện các công đoạn cắt, vơ cây lên, đập, làm sạch, chuyển hạt vào thùng chứa. Do vừa di chuyển trên địa hình không thuận lợi (như mặt ruộng lầy thụt, mặt đồng ít khi bằng phẳng, qua nhiều bờ ruộng, kênh rạch, v.v...), vừa thực hiện các công đoạn cắt lúa, vận

chuyển lúa lên cho vào buồng đập, phóng rơm ra, làm sạch sơ bộ thóc và vận chuyển thóc vào thùng chứa hạt. Do trong cùng một lúc máy phải làm nhiều công đoạn phức tạp như vậy trên địa hình khó khăn nên chất lượng vật liệu và công nghệ chế tạo máy gặt đập liên hợp phải có yêu cầu đạt tiêu chuẩn cao thì mới đảm bảo máy hoạt động tốt và an toàn.

Máy gặt đập liên hợp có ưu điểm là thu hoạch 1 giai đoạn, rút ngắn được 3 công đoạn: cắt, thu gom, đập, do vậy tăng năng suất, giảm công lao động đang thiếu hụt trong mùa vụ, thu hoạch nhanh, đảm bảo thời vụ và giảm được hao hụt lúa lúc thu hoạch. Do máy gặt đập liên hợp thu hoạch lúa có nhiều ưu điểm nên máy đã được dùng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Ở Việt Nam đã sử dụng loại máy này để thu hoạch lúa. Hiện nay, nước ta có trên 30.000 máy gặt đập liên hợp các loại. Những năm trước đây chủ yếu sử dụng máy GDLH nhập từ Trung Quốc, máy cũ của Nhật Bản, Hàn Quốc và các cơ sở trong nước cải tiến từ các mẫu máy Trung Quốc. Hiện nay các loại máy GDLH được sử dụng phần lớn của Công ty TNHH KUBOTA Việt Nam và Công ty TNHH Máy Nông Nghiệp Yanmar Việt Nam như: KUBOTA-DC 70PLUS, KUBOTA-DC 70, KUBOTA-DC 60, KUBOTA-DC 105X, KUBOTA-DC 93, YANMAR AW82V, YANMAR AW70V, YANMAR YH700, YANMAR YH850,...

Máy gặt đập liên hợp đang được dùng phổ biến để thu hoạch lúa, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, khi sử dụng loại máy này, người sử dụng phải đối mặt với nhiều mối nguy hiểm có thể gây tai nạn lao động. Khi sử dụng máy gặt đập liên hợp để thu hoạch lúa, người sử dụng phải đối mặt với nhiều mối nguy hiểm như vậy, nhưng hiện nay, ở nước ta chưa có Quy chuẩn về yêu cầu an toàn đối với máy gặt đập liên hợp.

Để đảm bảo an toàn cho người sử dụng thì máy gặt đập liên hợp phải được kiểm tra nhà nước theo quy định tại Thông tư

16/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hoá nhóm 2) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hàng hóa nhóm 2 được quản lý theo quy chuẩn nhưng máy gặt đập liên hợp hiện nay chưa có quy chuẩn để áp dụng kiểm tra phục vụ công tác quản lý. Xuất phát từ vấn đề nêu trên, việc xây dựng Quy chuẩn quốc gia về an

toàn đối với gặt đập liên hợp là rất cần thiết cho việc quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động.

Về phạm vi điều chỉnh, Quy chuẩn này quy định các yêu cầu về an toàn đối với đối với gặt đập liên hợp (máy liên hợp thu hoạch lúa) thuộc đối tượng quản lý Nhà nước của Bộ NN&PTNT. Đối tượng áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) nhập khẩu, sản xuất, phân phối và bán lẻ máy gặt đập liên hợp./.

(Hà My)

ISO 14001 - CUNG CẤP CÁCH TIẾP CẬN CÓ HỆ THỐNG ĐỂ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Tiêu chuẩn ISO 14001 cung cấp các tiêu chí cho hệ thống quản lý môi trường mà tổ chức có thể sử dụng để xác định, theo dõi và nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường, thực hiện nghĩa vụ tuân thủ và đạt được các mục tiêu môi trường của mình.

Cân bằng tăng trưởng với quản lý môi trường là quan trọng hơn bao giờ hết khi tác động của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về quy mô và tần suất.

Một cách hiệu quả để làm điều tốt cho môi trường và duy trì hoạt động kinh doanh



vững mạnh là triển khai hệ thống quản lý môi trường (EMS). Các công cụ và phương pháp tiếp cận như ISO 14001 được sử dụng trên khắp thế giới bởi các tổ chức đánh giá, quản lý và cải thiện tác động đối với môi trường.

Mô hình hệ

thống quản lý môi trường

Mô hình EMS là một khuôn khổ chính sách, thủ tục và thực tiễn giúp các tổ chức quản lý và giảm thiểu tác động đến môi

Ưu tiên phát triển bền vững môi trường không chỉ là xu hướng mà đó là chiến lược quan trọng để đảm bảo sức khỏe và sự thịnh vượng của một tổ chức trong nhiều năm tới.

trường. Nó cung cấp cách tiếp cận có cấu trúc để xác định, đánh giá và giảm thiểu tác động môi trường.

Mục tiêu chính của EMS là đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về môi trường; Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; Giảm chất thải và ô nhiễm tối thiểu; Cải tiến liên tục hiệu suất môi trường.

Có nhiều ví dụ khác nhau về hệ thống quản lý môi trường nhưng một trong những ví dụ được biết đến nhiều nhất và sử dụng rộng rãi nhất là ISO 14001. Tiêu chuẩn quốc tế này cung cấp cách tiếp cận có hệ thống để quản lý môi trường và được công nhận trên toàn cầu.

ISO 14001 cung cấp các tiêu chí cho EMS mà tổ chức có thể sử dụng để xác định, theo dõi và nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường, thực hiện nghĩa vụ tuân thủ và đạt được các mục tiêu môi trường của mình. Tiêu chuẩn này có thể sử dụng toàn bộ hoặc một phần bởi bất kỳ tổ chức nào, bất kể quy mô hoặc ngành nghề muốn tăng cường hành động vì môi trường của mình; cho dù đó là bằng cách cải thiện tính bền vững của sản phẩm, hoạt động của công ty hay dịch vụ mà công ty cung cấp.

ISO 14001 dựa trên mô hình cải tiến liên tục Plan-Do-Check-Act (PDCA). Thông qua chu trình PDCA, doanh nghiệp có thể đón đầu nhu cầu và mong đợi đang thay đổi về môi trường. Họ có thể xác định các lĩnh vực cần cải thiện, thực hiện giải pháp đổi mới và theo dõi tiến trình hướng tới các mục tiêu môi trường. Quá trình lặp đi lặp lại này đảm bảo EMS vẫn hoạt động hiệu quả và phù hợp với mục tiêu kinh doanh của tổ chức.

Các bước thực tế để triển khai EMS thành công

Việc triển khai EMS có vẻ khó khăn nhưng với một kế hoạch rõ ràng và sự tham gia của các bên liên quan, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể tích hợp thành công phương pháp quản lý môi trường vào hoạt động của mình. Các bước sau đây có thể đóng vai trò là điểm khởi đầu hữu ích:

Thứ nhất, đánh giá tác động môi trường: Các tổ chức nên tiến hành đánh giá môi trường để xác định các khu vực mà họ có tác động đáng kể nhất đến môi trường. Điều này sẽ giúp họ ưu tiên những nỗ lực của mình và đặt ra mục tiêu để cải thiện.

Thứ hai, thiết lập các mục tiêu quản lý môi trường: Dựa trên kết quả đánh giá về môi trường, doanh nghiệp nên đặt ra mục tiêu cụ thể và có thể đo lường phù hợp với mục tiêu của mình. Những mục tiêu này có thể liên quan đến việc giảm chất thải, bảo tồn tài nguyên hoặc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch thực hiện: Doanh nghiệp nên lập một kế hoạch chi tiết, trong đó nêu rõ các hành động cần thiết để đạt được mục tiêu quản lý môi trường của mình. Kế hoạch này nên bao gồm các mốc thời gian, các bên chịu trách nhiệm và các nguồn lực cần thiết.

Thứ tư, thu hút nhân viên: Các tổ chức nên thu hút nhân viên của mình bằng cách truyền đạt tầm quan trọng của EMS và vai trò của họ đối với sự thành công của nó. Các doanh nghiệp nên đầu tư vào đào tạo và nguồn lực để đảm bảo rằng mọi người hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc đóng góp vào sự bền vững môi trường.

Thứ năm, triển khai hệ thống giám sát và báo cáo: Các doanh nghiệp nên áp dụng hệ thống để theo dõi và đo lường tiến độ hướng tới các mục tiêu. Thường xuyên xem xét và phân tích dữ liệu để xác định các lĩnh vực cần cải thiện và tôn vinh thành công nên là những hành động chính.

Thứ sáu, cải tiến liên tục: Các tổ chức nên sử dụng chu trình PDCA để liên tục cải thiện hiệu quả hoạt động môi trường của mình. Đặt mục tiêu mới, thực hiện các biện pháp, theo dõi tiến độ và thực hiện điều chỉnh cần thiết, tất cả những điều này đảm bảo EMS vẫn hoạt động hiệu quả và phù hợp với mục tiêu kinh doanh./.

(Nguyễn Nam)

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CÁT SAN LẤP VÀ CÁT XÂY TÔ TRONG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Trong quá trình xây dựng, cát được coi là vật liệu cơ bản và quan trọng nhất. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết phân biệt được giữa cát san lấp và cát xây tô, cũng như tiêu chuẩn chất lượng cần tuân thủ khi sử dụng chúng.



Đặc điểm, phân biệt cát san lấp và cát xây tô

Cát san lấp, là loại cát có hạt lớn, không đều và chứa nhiều hạt sỏi. Đây là loại cát thô, được sử dụng rộng rãi trong việc san lấp mặt bằng, làm móng, xây dựng các công trình cầu đường và các công trình hạ tầng khác.

Cát san lấp thường có màu sắc đa dạng, từ màu trắng, màu vàng đến màu nâu tùy thuộc vào nguồn gốc khai thác. Hạt cát san lấp thường lớn, không đều và chứa nhiều hạt sỏi. Điều này làm cho cát san lấp thích hợp cho việc san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình hạ tầng lớn, nơi cần sự chắc chắn và ổn định.

Còn cát xây tô cần phải đảm bảo tính mịn, không chứa hạt sỏi lớn, đảm bảo cho sản phẩm cuối cùng có độ bền cao và bề mặt mịn đẹp.

Cát xây tô được sử dụng trong việc trộn bê tông, sản xuất gạch, ngói và các vật liệu xây dựng khác. Nhờ tính chất mịn, đều, cát xây tô giúp tạo ra các sản phẩm xây dựng có độ bền cao, bề mặt mịn và đẹp mắt.

Tiêu chuẩn chất lượng cát san lấp, cát xây tô theo quy định

Các chỉ tiêu kỹ thuật về cát xây dựng được quy định tại TCVN 1770:1986 về cát xây dựng – yêu cầu kỹ thuật đã được thay thế bởi TCVN 7570:2006 về cốt liệu cho bê tông và vữa do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Đây là tiêu chuẩn cát xây dựng mới nhất được áp dụng tại Việt Nam hiện nay

Tiêu chuẩn chất lượng cát san lấp

Theo đó, cát san lấp tại công trình phải trải qua lấy mẫu nghiệm thu tại phòng thí nghiệm trước khi thi công. Để việc kiểm tra chất lượng mẫu cát đạt hiệu quả cao thì phòng thí nghiệm, các thiết bị lưu trữ và kiểm định cũng cần đạt chuẩn

Hiện nay, dựa theo kích cỡ hạt thì cát san lấp mặt bằng được chia làm 4 loại chính đó là: cát to, cát nhỏ, cát vừa và cát mịn.

Xét về chiều dày thì cát san lấp phải đạt tiêu chuẩn TCVN 4447-2012. Theo đó, tiêu chuẩn đắp cát san nền của mỗi lớp cát có độ dày tối đa là 30 cm, đối với đất nền đường K95 thì yêu cầu chiều dày là 25 cm, còn đất nền đường K98 yêu cầu chiều dày là 15 cm.

Đối với các công trình cần quan tâm đến độ chống ăn mòn, & chống xói... thì cần có thêm những đặc tính cơ lý khác như: độ chua, độ mặn và các thành phần hạt ...đáp ứng tiêu chuẩn riêng đó. Những tiêu chuẩn này sẽ do các kỹ sư thiết kế quy định.

Tiêu chuẩn chất lượng cát xây tô

Đối với cát xây tô, tiêu chuẩn chất lượng cũng quy định về kích thước hạt, tỷ lệ hạt sỏi, độ ẩm và sạch sẽ tương tự như cát san lấp. Tuy nhiên, do tính chất khác nhau của hai loại cát, các giá trị tiêu chuẩn cũng có thể khác nhau để đảm bảo tính chất lượng của sản phẩm cuối cùng.

Dưới đây là một số tiêu chí quan trọng của cát xây tô theo TCVN 7570:2006 – Cốt liệu cho bê tông và vữa (Yêu cầu kỹ thuật):

- Mô đun độ lớn thấp nhất là 0.7, nên chọn cát có mô đun càng lớn càng tốt.

- Hàm lượng chất bùn, hữu cơ không được hơn 3% khối lượng tổng thể.
- Hàm lượng muối gốc sunphat, sunphit tồn tại trong cát xây tô không hơn 1% tổng khối lượng.
- Tuyệt đối không chứa lượng sỏi có kích thước từ 5 - 10mm.

Việc phân biệt và hiểu rõ về đặc điểm và

ứng dụng của cát san lấp và cát xây tô là quan trọng để đảm bảo chất lượng trong quá trình xây dựng. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng là yếu tố quyết định cho sự thành công của các công trình xây dựng và đảm bảo sự an toàn và bền vững trong sử dụng vật liệu xây dựng./.

(Yến Hoa)

BỘ VHTTDL BAN HÀNH QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THƯ VIỆN CÔNG LẬP

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) vừa ký ban hành Thông tư số 16/TT-BVHTTDL quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế cho hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập.

Cụ thể quy định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp dịch vụ xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập.

Đối tượng áp dụng Quy định bao gồm: Thư viện công lập được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Thư viện sử dụng ngân

sách nhà nước để triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý hoặc liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Khuyến khích thư viện, cơ quan, tổ chức ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quy định này.

Theo đó, xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập là chức năng, nhiệm vụ cơ bản của thư viện



mà 100% thư viện được xác định và hoạt động theo Luật Thư viện đều phải thực hiện. Tùy mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa, các thư viện triển khai tại đơn vị ở các mức độ khác nhau nhưng đều phải tuân thủ quy trình, chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ làm nền tảng cho liên thông, kết nối.

Do vậy, dịch vụ xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập được xác định thuộc nhóm dịch vụ công thiết yếu, gắn với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của thư viện trong việc truyền bá tri thức, văn hóa, phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, giải trí, góp phần hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng thư viện.

Thông tư 16/TT-BVHTTDL được xây dựng theo hình thức Thông tư ban hành Quy định, bao gồm Thông tư, Quy định và Phụ lục các bảng định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo. Cụ thể

Phần Thông tư bao gồm 03 điều trong đó Điều 1 quy định ban hành kèm theo Thông tư Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp dịch vụ xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập. Điều 2 và Điều 3 quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

Phần Quy định gồm 28 điều, trong đó: Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh; Điều 2 quy định đối tượng áp dụng; Các quy định cụ thể tập trung vào những nội dung: Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (Điều 3); Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (Điều 4); Áp dụng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật (Điều 5); Nội dung và kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật (Điều 6); Nguyên tắc tổ chức dịch vụ sự nghiệp công (Điều 7); Đánh giá chất lượng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

(Điều 8); Quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ: Xây dựng tài nguyên thông tin (Điều 9 đến Điều 12); xử lý tài nguyên thông tin (Điều 13 đến Điều 16); bảo quản tài nguyên thông tin (Điều 17 đến Điều 20); xây dựng cơ sở dữ liệu (Điều 21 đến Điều 24); xây dựng hệ thống tra cứu thông tin (Điều 25 đến Điều 28).

Có 05 phụ lục tương ứng các dịch vụ: Phụ lục số 01- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xây dựng tài nguyên thông tin; Phụ lục số 02- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý tài nguyên thông tin; Phụ lục số 03- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bảo quản tài nguyên thông tin; Phụ lục số 04- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu; Phụ lục số 05- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xây dựng hệ thống tra cứu thông tin.

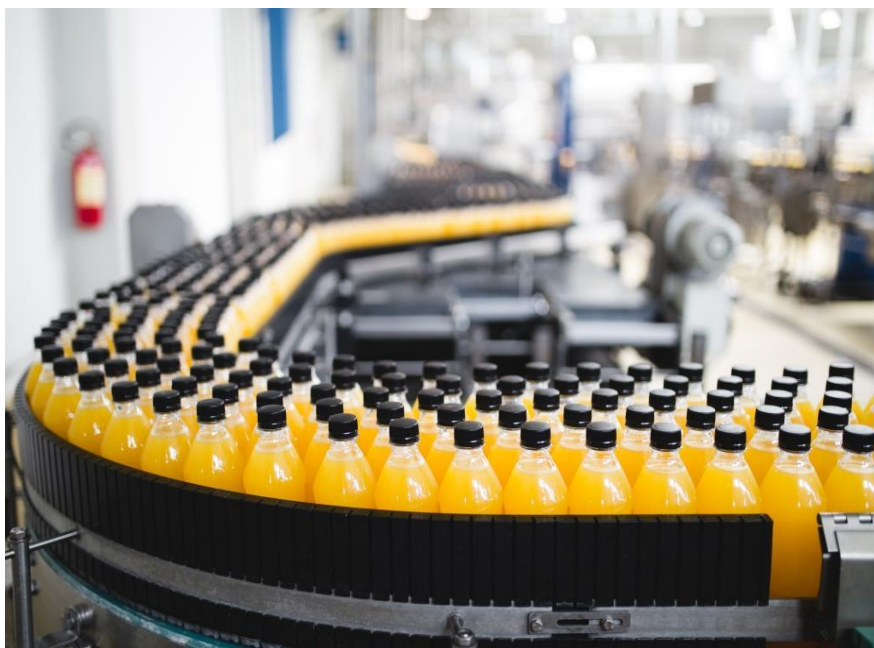
Thông tư số 16/TT-BVHTTDL được ban hành với nhiều nội dung cụ thể sẽ là căn cứ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xây dựng nội dung chi, mức chi, xác định đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời là căn cứ cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về thư viện đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở cho việc đầu tư kinh phí, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

Thông tư 16/2023/TT-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 01/3/2024 sẽ là căn cứ quan trọng để các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xây dựng nội dung chi, mức chi, xác định đơn giá dịch vụ sự nghiệp công. Đồng thời, nó cũng là căn cứ cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về thư viện để đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở cho quyết định đầu tư kinh phí, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước./.

(Phạm Hòa)

FSSC 22000 – GIẢI PHÁP CHO CÁC YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM KHI XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU

FSSC 22000 thực hiện quản lý theo chuỗi thực phẩm, nên được áp dụng cho mọi đối tượng liên quan đến chuỗi thực phẩm từ khâu trồng trọt chăn nuôi đến chế biến, phân phối. Chương trình chứng nhận này có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức thực phẩm từ quy mô nhỏ đến lớn.



FSSC là viết tắt từ chữ food safety system certification – Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm. Tổ chức này được lập ra để phát triển những chương trình chứng nhận thực phẩm mang tính toàn cầu

FSSC 22000 là một chương trình chứng nhận được phát triển bởi FSSC dành cho tất cả các đơn vị sản xuất và chế biến trong chuỗi cung ứng thực phẩm. Chương trình chứng nhận này được GFSI (Sáng kiến An toàn Thực phẩm toàn cầu) công nhận và xem là tiêu chuẩn ngang cấp và có thể thay thế cho các tiêu chuẩn thực phẩm đã từng được GFSI công nhận trước đây như BRC, IFS, SQF.

Tiêu chuẩn FSSC được công bố lần đầu tiên vào tháng 5 năm 2009, tính đến thời điểm hiện tại, FSSC 22000 đã có chính thức 6 phiên bản trên 6 mốc thời gian khác nhau như: FSSC 22000 phiên bản đầu tiên được ban hành vào tháng 5 năm 2009, đưa ra các tiêu chuẩn ban

đầu về một chương trình chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm.

FSSC 22000 phiên bản 2 ban hành vào tháng 02 năm 2010 là bước tiến vượt bậc giúp FSSC 22000 trở thành một tiêu chuẩn mang tính toàn cầu, phiên bản này được chính thức phê duyệt bởi GFSI và có giá trị thay thế cho các tiêu chuẩn hệ thống an toàn thực phẩm trước đó.

FSSC 22000 phiên bản 3 được công bố vào tháng 02 năm 2013, ở phiên bản này, FSSC 22000 được đánh giá lại trên tài liệu hướng dẫn phiên bản thứ 6 của GFSI.

FSSC 22000 phiên bản 4.1 được cập nhật vào tháng 07 năm 2017, FSSC 22000 ở phiên bản thứ 4 đã có những cập nhật mới để bắt kịp xu thế và phù hợp với các yêu cầu được đưa ra trong tài liệu hướng dẫn mới nhất của GFSI. Ở phiên bản này,

FSSC 22000 bao gồm 3 phần: ISO 22000:2005, những chương trình tiên quyết theo từng ngành và các yêu cầu thêm vào của FSSC. Ở phiên bản 4.1 này thì FSSC 22000 cũng nâng từ 7 yêu cầu lên 9 yêu cầu, nội dung bên trong cũng có một số sự điều chỉnh được cho là thích hợp với tình hình thực phẩm hiện tại.

FSSC 22000 phiên bản 5.1 được áp dụng và thừa nhận tại thời điểm hiện tại cũng chính là phiên bản mới nhất được ban hành vào tháng 05 năm 2019. Phiên bản này bao gồm 4 phần: ISO 22000, ISO 9001, những chương trình tiên quyết theo từng ngành và các yêu cầu thêm vào của FSSC.

FSSC 22000 phiên bản 6.0 ban hành tháng 04 năm 2022. Phiên bản này bao gồm 3 phần: ISO 22000/các thông số PRP liên quan (tiêu chuẩn ISO/TS và BSI PAS) và các Yêu cầu bổ sung của FSSC.

Đối tượng nên áp dụng FSSC 22000



Việc áp dụng và đạt chứng nhận FSSC 22000 thể hiện cam kết về an toàn thực phẩm mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức áp dụng. Hệ thống an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn FSSC 22000 cung cấp một phương pháp mang tính hệ thống để xác định và quản lý hiệu quả các rủi ro về an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, FSSC 22000 được thừa nhận bởi Ủy Ban Sáng Kiến An Toàn Thực Phẩm Toàn Cầu (GFSI- Global Food Safety Initiative) và Tổ chức hợp tác

FSSC 22000 thực hiện quản lý theo chuỗi thực phẩm, nên được áp dụng cho mọi đối tượng liên quan đến chuỗi thực phẩm từ khâu trồng trọt chăn nuôi đến chế biến, phân phối. Chương trình chứng nhận này có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức thực phẩm từ quy mô nhỏ đến lớn. Trong đó, (Nhóm A) Nuôi dưỡng động vật: Các trang trại có hoạt động trồng trọt và chăn nuôi với mục đích cung cấp nguồn nguyên liệu cho chuỗi thực phẩm; (Nhóm C) Sản xuất thực phẩm: Các nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ động vật, thực vật; Các nhà máy sản xuất hương liệu, gia vị, đồ uống, bánh kẹo ...; (Nhóm D) Sản xuất thức ăn cho động vật: Doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi; (Nhóm E) Chế biến suất ăn: Các cơ sở phục vụ ăn uống, bao gồm cả các bếp ăn ngành hàng không, đường sắt và du lịch; Phòng ăn tại các bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, nhà trường, doanh nghiệp,...; (Nhóm FI) Bán lẻ và bán buôn: Các hệ thống, chuỗi cửa hàng bán lẻ, siêu thị và cửa hàng bách hóa; (Nhóm G) Dịch vụ vận chuyển và lưu giữ: Những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải, lưu trữ thực phẩm; (Nhóm I) Bao bì thực phẩm: Những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bao bì, vỏ bọc thực phẩm; (Nhóm K) Sản xuất hóa chất (Sinh học).

Lợi ích của FSSC 22000

Công nhận Châu Âu (EA- European cooperation for Accreditation) sẽ là tấm vé ưu tiên cho các doanh nghiệp thực phẩm khi muốn tham gia vào thị trường khó tính như châu Âu.

Trong bối cảnh xuất khẩu phải đối mặt với nhiều thách thức của suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát và đơn hàng sụt giảm, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thực phẩm để có mức tăng trưởng theo kỳ vọng của ban lãnh đạo công ty thì một trong các yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh chính là việc áp dụng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm FSSC 22000.

Đối với ngành hàng sản xuất và chế biến thực phẩm, các thị trường cao cấp như Nhật Bản, châu Âu yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp phải có chứng nhận FSSC 22000. Hiện nay một số đơn vị tại Việt Nam vẫn đang xuất khẩu được một lượng lớn các mặt hàng thực phẩm sang EU thì ngoài vấn đề chất lượng, an toàn thực phẩm thì việc áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000 là điều kiện bắt buộc. Bởi doanh nghiệp muốn hàng thực phẩm vào được thị trường EU, thì yêu cầu đầu tiên là doanh nghiệp phải có hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo FSSC 22000 và được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận đã được Công nhận./.

(Phạm Hòa)

CHÍNH THỨC CÓ CHUẨN QUỐC GIA CHO BỘ PHÁT ĐÁP RA ĐA TÌM KIẾM VÀ CỨU NẠN

Bộ Thông tin và Truyền thông vừa ban hành Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn hoạt động trong băng tần từ 9 200 MHz đến 9 500 MHz.



Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn hoạt động trong băng tần từ 9 200 MHz đến 9 500 MHz (QCVN 60:2023/BTTTT).

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn hoạt động trong băng tần từ 9 200 MHz đến 9 500 MHz; Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn này trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong Quy chuẩn, về phương pháp đo kiểm và kết quả yêu cầu, các phép đo kiểm phải được thực hiện tại vị trí đo do đơn vị đo kiểm chỉ định. Các nhà sản xuất phải thiết lập thiết bị và đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường trước khi tiến hành đo kiểm. Nguồn điện phải được cung cấp trong khi tiến hành đo kiểm bởi pin có sẵn trong thiết bị. Tuy nhiên, pin này có thể được thay thế bằng nguồn điện đo kiểm đối với một số phép đo kiểm chất lượng.

Các nguồn điện này phải được sự thống nhất của nhà sản xuất và đơn vị đo kiểm. Đo kiểm chức năng bao gồm các phép đo trong 2.2.4. Trong phạm vi bật máy 5 min, các yêu cầu của quy chuẩn này phải được xác định.

Thiết bị cần đo kiểm phải được đo tại vị trí sử dụng các kỹ thuật trường phát xạ.

Quy định về quản lý, bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại 1.1 phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại quy chuẩn này; Tần số hoạt động của thiết bị: Tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam; Phương tiện, thiết bị đo: Tuân thủ các quy định pháp luật về đo lường.

Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về công bố hợp quy bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước theo các quy định hiện hành.

Về tổ chức thực hiện, Cục Viễn thông, Cục Tần số vô tuyến điện và các Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức triển khai hướng dẫn, quản lý bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn theo quy chuẩn này.

Quy chuẩn này được áp dụng thay thế cho quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 60:2011/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn”. Trong trường hợp các quy định nêu tại quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới; Trong quá trình triển khai thực hiện quy chuẩn này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ) để được hướng dẫn, giải quyết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

(Anh Đức)

DỰ THẢO 2 TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ TRO BAY

Bộ Xây dựng đang tiến hành lấy ý kiến 2 dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Tro bay (gồm việc xác định hàm lượng calcium oxide tự do và xác định độ mịn bằng sàng ướ́t).



Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Tro bay- Phương pháp thử - Phần 1: Xác định hàm lượng calcium oxide (CaO) tự do và Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Tro bay - Phương pháp thử - Phần 2 - Xác định độ mịn bằng sàng ướ́t.

Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Tro bay- Phương pháp thử - Phần 1: Xác định hàm lượng calcium oxide (CaO) tự do

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn quy định quy trình xác định hàm lượng calcium oxide (CaO) tự do trong tro bay. Tiêu chuẩn phương pháp thử quy định quy trình tham chiếu. Khi sử dụng các phương pháp khác thì cần phải chứng minh kết quả thu được bằng phương pháp đó là hoàn toàn tương đương với kết quả thu được bằng phương pháp tham chiếu.

Về yêu cầu chung, đối với số lần thử nghiệm, tiến hành hai thử nghiệm xác định

hàm lượng CaO tự do trong mẫu. Nếu chênh lệch giữa hai thử nghiệm lớn hơn hai lần độ lệch chuẩn lặp lại thì phải tiến hành phân tích lại. Kết quả được tính bằng trung bình cộng của hai giá trị gần nhau nhất. Độ lệch chuẩn của độ lặp lại và độ tái lập, theo định nghĩa trong TCVN 8244-1:2010 (ISO 3534-1:2006), được biểu thị bằng phần trăm tuyệt đối theo khối lượng...

Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Tro bay - Phương pháp thử - Phần 2 - Xác định độ mịn bằng sàng ướ́t

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác

định độ mịn của tro bay bằng cách sàng ướ́t trên sàng 0,045 mm. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp chuẩn. Nếu sử dụng các phương pháp khác thì phải chứng minh rằng các phương pháp này cho kết quả tương đương với kết quả có được từ phương pháp chuẩn. Trong trường hợp có tranh chấp, phải sử dụng phương pháp chuẩn.

Tiêu chuẩn quy định rõ, khung sàng phải được làm bằng vật liệu bền không bị ăn mòn hoặc biến dạng do nhiệt của tủ sấy. Khung sàng về cơ bản là một ống hình trụ có đường kính danh nghĩa 50 mm và có chiều sâu từ mặt sàng đến đỉnh khung là 75 mm, đi kèm với bộ phận để tháo và thay thế mặt sàng. Mặt sàng bằng lưới thép không gỉ có kích thước mắt 0,045 mm đáp ứng quy định trong TCVN 2230 và ISO 3310-1 và không có các bất thường có

thể nhìn thấy được như nếp gấp, độ căng của mặt sàng kém, vết trầy xước hoặc các dấu hiệu không đều khi kiểm tra bằng mắt như mô tả trong ISO 3310-1. Mặt sàng phải được gắn chặt và căng đều trong khung sàng để tránh thất thoát vật liệu.

Vòi phun phải được làm bằng kim loại không dễ bị nước ăn mòn, có đường kính trong 17,5 mm. Vòi phun phải có một lỗ trung tâm được khoan song song với trục dọc, một vòng tròn trung gian gồm 8 lỗ khoan cách nhau 6 mm tính từ tâm đến tâm với một góc

ngiêng 5 độ so với chiều trục dọc và một vòng tròn 8 lỗ bên ngoài được khoan cách nhau 11 mm tính từ tâm đến tâm một góc nghiêng 10 độ so với chiều trục dọc. Tất cả các lỗ có đường kính 0,5 mm và đảm bảo hoàn toàn thông suốt.

Đồng hồ đo áp suất phải có đường kính tối thiểu 80 mm và khả năng đo tối đa là 160 kPa, độ chia lớn nhất là 5 kPa. Độ chính xác của đồng hồ đo là ± 5 kPa./.

(Phạm Hòa)

SIẾT HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ

Đối với những tổ chức chứng nhận chưa được cấp phép, giấy chứng nhận hữu cơ được phát ra coi như vô giá trị.

hữu cơ đạt khoảng 335 triệu USD/năm, với các sản phẩm chủ yếu như gạo, tôm, dưa, cà phê, sữa, trà, rau, trái cây...



Theo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, năm 2022, thế giới có gần 200 quốc gia phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, với hơn 71 triệu hecta, tương đương 1,5% tổng diện tích canh tác, doanh thu đạt hơn 110 tỷ Euro.

Nước ta hiện có khoảng 500.000ha sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên tổng diện tích hơn 11,5 triệu hecta đất sản xuất nông nghiệp. Cả nước có 46 tỉnh, thành phố đang thực hiện và có phong trào sản xuất nông nghiệp hữu cơ, với sự tham gia của 100 công ty và 17.000 nông dân. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm

Theo TS. Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là xu thế của thế giới. Đây là nền nông nghiệp nhằm tạo ra nguồn sản phẩm chất lượng cao, giá trị cao và dành cho những thị trường chất lượng cao. Chính vì vậy, người làm nông nghiệp hữu cơ không sản xuất theo phong trào mà phải xem xét các điều kiện về thời gian, kinh tế, đất đai, trình độ cũng như thị trường đầu ra của sản phẩm. Người làm nông nghiệp hữu cơ cần tham quan thực tế các mô hình, tiếp cận tài liệu để nắm bắt các tiêu chuẩn, chứng chỉ hữu cơ.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào nông nghiệp hữu cơ cũng kéo theo sự xuất hiện của các tổ chức chứng nhận hữu cơ. Thống kê của Cục Chất lượng Chế biến và Phát triển thị trường (Bộ NN&PTNT) cho thấy, trên cả nước có gần 40 đơn vị đã đăng ký thực hiện hoạt động chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ. Bên cạnh đó là rất nhiều tổ chức từ nước ngoài vào

Việt Nam cũng tham gia hoạt động chứng nhận.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều tổ chức chứng nhận hữu cơ nhưng chưa đăng ký. Nếu không được quản lý chặt chẽ gây ra tình trạng "loạn" chứng nhận, giả mạo, cấp khống, làm khống chứng nhận hữu cơ... gây ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp, thậm chí cả hình ảnh của Việt Nam. Đối với những tổ chức chứng nhận chưa được cấp phép, giấy chứng nhận

để tư vấn nên không có một con số cố định như vùng đệm phải là 5m hay 10m.

Bên cạnh đó, các quy định về tiêu chuẩn đầu vào, cụ thể là phân bón được sử dụng trong nông nghiệp hữu cơ chỉ ghi là các chất được phép sử dụng và chất không được sử dụng. Từ đây, người dân, hợp tác xã (HTX) phải dựa rất nhiều vào đơn vị tư vấn, hỗ trợ vì họ không thể tự biết hết chất nào được phép sử dụng, chất nào không được phép sử dụng. Hoặc nếu không có đội ngũ tư vấn thì khi HTX,



hữu cơ được phát ra coi như vô giá trị.

Chia sẻ về vấn đề này, ông Hà Phúc Mịch, Chủ tịch Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam cho biết, sản xuất hữu cơ cần tuân thủ 4 nguyên tắc: sức khoẻ, sinh thái, sự công bằng và sự cẩn trọng. 4 nguyên tắc này là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ và cũng là sự xuyên suốt cho nền nông nghiệp hữu cơ trên thế giới.

Theo đó, người sản xuất cần phải định hướng rõ thị trường tiêu thụ sản phẩm vì mỗi thị trường đều có các yêu cầu về tiêu chuẩn hữu cơ riêng. Các tổ chức chứng nhận cũng phải nâng cao trình độ, hiểu biết về chứng nhận hữu cơ, đặc biệt giữ chữ "Tâm" với nghề để đảm bảo chứng nhận đúng, đủ các nguyên tắc của tiêu chuẩn hữu cơ, đảm bảo sự minh bạch...

Theo bà Từ Thị Tuyết Nhung, Trưởng ban điều phối PGS Việt Nam, vấn đề khúc mắc của chứng nhận hữu cơ theo TCVN là việc đánh giá vùng đệm không cố định. Thay vào đó, người tư vấn cho các đơn vị làm nông nghiệp hữu cơ phải dựa vào tình hình thực tế

nông dân muốn sử dụng loại phân nào phải tiến hành kiểm tra, đi test (kiểm tra) tại các cơ sở uy tín mới biết loại phân đó có những chất đủ yêu cầu. Điều này gây tốn kém đối với người dân, HTX.

Vì vậy, theo bà Nhung, cần có danh sách phân bón sử dụng trong sản xuất hữu cơ và các loại phân này phải được kiểm nhận, đánh giá và được công nhận là vật tư đầu vào cho nông nghiệp hữu cơ..

Ngoài ra, theo Thông tư 16/2019/TT-BNNPTNT hướng dẫn Nghị định 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ thì các tổ chức chứng nhận hữu cơ phải đăng ký và cấp mã mới được thực hiện chứng nhận trên thị trường. Hiện, cơ quan quản lý mới năm được 40 tổ chức đánh giá đã đăng ký nhưng để bảo đảm công bằng và thuận tiện cho những đơn vị sản xuất có nhu cầu chứng nhận, Nhà nước cần có hệ thống danh sách các đơn vị chứng nhận đã được đăng ký để đơn vị sản xuất biết và tìm các đơn vị chứng nhận đủ điều kiện một cách thuận tiện hơn./.

(Phạm Hòa)

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 11/2023

❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 13598-1:2022

Chất kết dính và vữa thạch cao - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:16

TCVN 13598-2:2022

Chất kết dính và vữa thạch cao - Phần 2: Phương pháp thử
Số trang:23

TCVN 13604:2023

Thanh trong khung thép không chịu lực. Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:12

TCVN 13605:2023

Xi măng. Phương pháp xác định độ mịn
Số trang:28

TCVN 13718:2023

Công trình thủy lợi. Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công. Yêu cầu thi công và nghiệm thu
Số trang:57

TCVN 13719:2023

Công trình thủy lợi. Đập bê tông và bê tông cốt thép. Yêu cầu thi công và nghiệm thu
Số trang:44

TCVN 13836:2023

Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định cỡ hạt cà phê rang xay - Phương pháp lắc ngang sử dụng sàng có chốt tròn
Số trang:21

TCVN 13837:2023

Chất chiết cà phê - Xác định hàm lượng chất khô trong chất chiết cà phê - Phương pháp sử dụng cát biến đổi với chất chiết cà phê dạng lỏng hoặc dạng sệt
Số trang:9

TCVN 13838:2023

Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định acrylamid - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao-hai lần khối phổ (HPLC-MS/MS) và sắc ký khí-khối phổ (GC-MS) sau khi tạo dẫn xuất
Số trang:25

TCVN 13839:2023

Cà phê và các sản phẩm cà phê - Xác định hàm lượng 16-O-methylcafestol trong cà phê rang

- Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

Số trang:14

TCVN 13840:2023

Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân
Số trang:73

TCVN 13858-1:2023

Đường sắt. Đá ba lát. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:23

TCVN 13901:2023

Thảm địa kỹ thuật COMPOSIT gốc xi măng
Số trang:25

TCVN 141:2023

Xi măng POOC LĂNG. Phương pháp phân tích hóa học
Số trang:65

Thay thế:TCVN 141:2008

TCVN 1452:2023

Ngói đất sét nung và phụ kiện. Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:21

Thay thế:TCVN 1452:2004

TCVN 1453:2023

Ngói bê tông và phụ kiện
Số trang:33

Thay thế:TCVN 1453:1986

TCVN 3652:2019

Giấy và các tông - Xác định độ dày, khối lượng riêng và thể tích riêng
Số trang:18

Thay thế:TCVN 3652:2007

TCVN 4116:2023

Công trình thủy lợi. Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công. Yêu cầu thiết kế
Số trang:72

Thay thế:TCVN 4116:1985

TCVN 4313:2023

Ngói đất sét nung và phụ kiện. Phương pháp thử
Số trang:45

Thay thế:TCVN 4313:1995

TCVN 6591-4:2021

Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 4: Bộ truyền dịch dùng một lần dẫn truyền bằng trọng lực
Số trang:24

Thay thế:TCVN 6591-4:2008

TCVN 8257-1:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 1: Xác định kích thước, độ sâu của gờ vít và độ vuông góc của cạnh
Số trang:11

Thay thế:TCVN 8257-1:2009

TCVN 8257-2:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 2: Xác định độ cứng của lõi, cạnh và gờ
Số trang:13

Thay thế:TCVN 8257-2:2009

TCVN 8257-3:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 3: Xác định cường độ chịu uốn
Số trang:17

Thay thế:TCVN 8257-3:2009

TCVN 8257-4:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 4: Xác định độ kháng nhỏ đỉnh
Số trang:13

Thay thế:TCVN 8257-4:2009

TCVN 8257-5:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 5: Xác định độ biến dạng ẩm
Số trang:10

Thay thế:TCVN 8257-5:2009

TCVN 8257-6:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 6: Xác định độ hút nước
Số trang:10

Thay thế:TCVN 8257-6:2009

TCVN 8257-7:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 7: Xác định độ hấp thụ nước bề mặt
Số trang:10

Thay thế:TCVN 8257-7:2009

TCVN 8257-8:2023

Tấm thạch cao. Phương pháp thử cơ lý. Phần 8: Xác định độ thẩm thấu hơi nước
Số trang:9

Thay thế:TCVN 8257-8:2009

TCVN 9137:2023

Công trình thủy lợi đập bê tông và bê tông cốt thép. Yêu cầu thiết kế
Số trang:80

Thay thế:TCVN 9137:2012

❖ TIÊU CHUẨN ISO

ISO 10110-16:2023

Optics and photonics
Preparation of drawings for
optical elements and systems
Part 16: Diffractive surfaces
Pages: 29

ISO 10300-1:2023

Calculation of load capacity of
bevel gears
Part 1: Introduction and general
influence factors
Pages: 54

Replaces: ISO 10300-1:2014

ISO 10300-3:2023

Calculation of load capacity of
bevel gears
Part 3: Calculation of tooth root
strength
Pages: 43

Replaces: ISO 10300-3:2014

ISO 10425:2023

Steel wire ropes for the
petroleum and natural gas
industries
Minimum requirements and
terms of acceptance
Pages: 79

ISO 10468:2023

Glass-reinforced thermosetting
plastics (GRP) pipes
Determination of the ring creep
properties under wet or dry
conditions
Pages: 9

Replaces: ISO 10468:2018

ISO 10534-2:2023

Determination of acoustic
properties in impedance tubes
Part 2: Two-microphone
technique for normal sound
absorption coefficient and normal
surface impedance
Pages: 32

Replaces: ISO 10534-2:1998

ISO 10781:2023

Health informatics
HL7 Electronic Health Record-
System Functional Model, Release
2.1 (EHR FM)
Pages: 68

Replaces: ISO/HL7 10781:2015

ISO 1089:2023

Resistance welding equipment
Electrode taper fits for spot
welding equipment
Dimensions
Pages: 8

Replaces: ISO 1089:1980

ISO 10976:2023

Refrigerated light hydrocarbon
fluids
Measurement of cargoes on
board LNG carriers
Pages: 64

Replaces: ISO 10976:2015

ISO 10991:2023

Microfluidics
Vocabulary
Pages: 16

ISO 10993-17:2023

Biological evaluation of medical
devices
Part 17: Toxicological risk
assessment of medical device
constituents
Pages: 65

Replaces: ISO 10993-17:2002

ISO 11235:2023

Rubber compounding ingredients
Sulfenamide accelerators
Test methods
Pages: 26

ISO 11243:2023

Cycles
Luggage carriers for bicycles
Requirements and test methods
Pages: 31

Replaces: ISO 11243:2016

ISO 11424:2023

Rubber hoses and tubing for air
and vacuum systems for internal-
combustion engines
Specification
Pages: 12

Replaces: ISO 11424:2017

ISO 1172:2023

Textile-glass-reinforced plastics
Prepregs, moulding compounds
and laminates
Determination of the textile-glass
and mineral-filler content using
calcination methods
Pages: 9

Replaces: ISO 1172:1996

ISO 11749:2023

Belt drives
V-ribbed belts for the automotive
industry

Fatigue test
Pages: 14
Replaces: ISO 11749:2014

ISO 11936:2023

Leather
Determination of total content of
certain bisphenols
Pages: 10

ISO 11972:2023

Corrosion-resistant cast steels for
general applications
Pages: 7

Replaces: ISO 11972:2015

ISO 11973:2023

Heat-resistant cast steels and
alloys for general applications
Pages: 6
Replaces: ISO 11973:2015

ISO 12156-1:2023

Diesel fuel
Assessment of lubricity using the
high-frequency reciprocating rig
(HFRR)
Part 1: Test method
Pages: 13

Replaces: ISO 12156-1:2018

ISO 12164-2:2023

Hollow taper interface with
flange contact surface
Part 2: Receivers of types A, C and
E for hollow taper shanks of
types A, AB, C, CB and EB
Pages: 9

Replaces: ISO 12164-2:2001

ISO 12164-3:2023

Hollow taper interface with
flange contact surface
Part 3: Shanks of types T, TA and
U
Pages: 16

Replaces: ISO 12164-3:2014

ISO 12164-4:2023

Hollow taper interface with
flange contact surface
Part 4: Receivers of types T and U
for hollow taper shanks of types
T, TA and U
Pages: 7

Replaces: ISO 12164-4:2014

ISO 12164-5:2023

Hollow taper interface with
flange contact surface
Part 5: Shanks of types AS, CS and
ES
Pages: 38

ISO 12164-6:2023

Hollow taper interface with flange contact surface Part 6: Receivers of types AS, CS and ES for hollow taper shanks of types AS, CS and ES Pages: 8 ISO 12736-1:2023 Oil and gas industries including lower carbon energy Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment Part 1: Validation of materials and insulation systems Pages: 60 Replaces: ISO 12736:2014 ISO 12736-2:2023 Oil and gas industries including lower carbon energy Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment Part 2: Qualification processes for production and application procedures Pages: 59 ISO 12736-3:2023 Oil and gas industries including lower carbon energy Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment Part 3: Interfaces between systems, field joint systems, field repairs and pre-fabricated insulation Pages: 65 ISO 12759-1:2023 Fans Efficiency classification for fans Part 1: General requirements Pages: 19 ISO 13093:2023 Titanium and titanium alloys Determination of carbon Infrared absorption method after combustion in an induction furnace Pages: 9 ISO 13105-2:2023 Building construction machinery and equipment Machinery for concrete surface floating and finishing Part 2: Safety requirements and verification	Pages: 18 Replaces: ISO 13105-2:2014/Amd 1:2017 ISO 13145:2023 Rubber Determination of viscosity and stress relaxation using a rotorless sealed shear rheometer Pages: 15 Replaces: ISO 13145:2012 ISO 13164-4:2023 Water quality Radon-222 Part 4: Test method using two-phase liquid scintillation counting Pages: 16 Replaces: ISO 13164-4:2015 ISO 13315-3:2023 Environmental management for concrete and concrete structures Part 3: Production of concrete constituents and concrete Pages: 14 ISO 13319-2:2023 Determination of particle size distribution Electrical sensing zone method Part 2: Tunable resistive pulse sensing method Pages: 22 ISO 13408-1:2023 Aseptic processing of health care products Part 1: General requirements Pages: 72 ISO 13674-1:2023 Road vehicles Test method for the quantification of on-centre handling Part 1: Weave test Pages: 10 Replaces: ISO 13674-1:2010 ISO 13703-3:2023 Oil and gas industries including lower carbon energy Piping systems on offshore production platforms and onshore plants Part 3: Fabrication Pages: 58 ISO 13915:2023 Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics)	Test method for optical properties of ceramic phosphors for white light-emitting diodes with reference materials Pages: 15 ISO 13927:2023 Plastics Simple heat release test using a conical radiant heater and a thermopile detector Pages: 24 Replaces: ISO 13927:2015 ISO 13943:2023 Fire safety Vocabulary Pages: 66 Replaces: ISO 13943:2017 ISO 14126:2023 Fibre-reinforced plastic composites Determination of compressive properties in the in-plane direction Pages: 31 Replaces: ISO 14126:1999 ISO 14172:2023 Welding consumables Covered electrodes for manual metal arc welding of nickel and nickel alloys Classification Pages: 23 Replaces: ISO 14172:2015 ISO 14180:2023 Coal Guidance on the sampling of coal seams Pages: 23 Replaces: ISO 14180:2017 ISO 14300-2:2023 Space systems Programme management Part 2: Product assurance Pages: 10 Replaces: ISO 14300-2:2011 ISO 1442:2023 Meat and meat products Determination of moisture content Reference method Pages: 8 ISO 1442:1997 ISO 14624-1:2023 Space systems Safety and compatibility of materials
---	---	--

Part 1: Determination of upward flammability of materials Pages: 25 ISO 14624-2:2023 Space systems Safety and compatibility of materials Part 2: Determination of flammability of electrical-wire insulation and accessory materials Pages: 22 Replaces: ISO 14624-2:2003 ISO 14624-3:2023 Space systems Safety and compatibility of materials Part 3: Determination of off-gassed compounds from materials and assembled articles Pages: 14 Replaces: ISO 14624-3:2005 ISO 14635-1:2023 Gears FZG test procedures Part 1: FZG test method A/8,3/90 for relative scuffing load-carrying capacity of oils Pages: 18 Replaces: ISO 14635-1:2000 ISO 14635-2:2023 Gears FZG test procedures Part 2: FZG step load test A10/16, 6R/120 for relative scuffing load-carrying capacity of high EP oils Pages: 19 Replaces: ISO 14635-2:2004 ISO 14635-3:2023 Gears FZG test procedures Part 3: FZG test method A/2,8/50 for relative scuffing load-carrying capacity and wear characteristics of semifluid gear greases Pages: 20 Replaces: ISO 14635-3:2005 ISO 14644-18:2023 Cleanrooms and associated controlled environments Part 18: Assessment of suitability of consumables Pages: 38 ISO 14920:2023 Thermal spraying	Spraying and fusing of self-fluxing alloys Pages: vvv9 Replaces: ISO 14920:2015 ISO 14932:2023 Rubber compounding ingredients Organic vulcanizing agents Determination of organic peroxide content Pages: 31 Replaces: ISO 14932:2012 ISO 14960-1:2023 Tubeless tyres Valves and components Part 1: Snap-in tyre valves test methods Pages: 11 Replaces: ISO 14960-1:2014 ISO 15002:2023 Flow control devices for connection to a medical gas supply system Pages: 22 Replaces: ISO 15002:2008 ISO 16000-41:2023 Indoor air Part 41: Assessment and classification Pages: 25 ISO 16000-42:2023 Indoor air Part 42: Measurement of the particle number concentration by condensation particle counters Pages: 34 ISO 16119-5:2023 Agricultural and forestry machinery Environmental requirements for sprayers Part 5: Aerial spray systems Pages: 11 ISO 16143-4:2023 Stainless steels for general purposes Part 4: Bright products Pages: 41 Replaces: ISO 683-18:2014 ISO 16486-6:2023 Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels - Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing Part 6: Code of practice for design, handling and installation	Pages: 41 Replaces: ISO 16486-6:2012 ISO 16750-1:2023 Road vehicles Environmental conditions and testing for electrical and electronic equipment Part 1: General Pages: 22 Replaces: ISO 16750-1:2018 ISO 16750-2:2023 Road vehicles Environmental conditions and testing for electrical and electronic equipment Part 2: Electrical loads Pages: 34 Replaces: ISO 16750-2:2012 ISO 16750-3:2023 Road vehicles Environmental conditions and testing for electrical and electronic equipment Part 3: Mechanical loads Pages: 104 ISO 16750-4:2023 Road vehicles Environmental conditions and testing for electrical and electronic equipment Part 4: Climatic loads Pages: 59 Replaces: ISO 16750-4:2010 ISO 16750-5:2023 Road vehicles Environmental conditions and testing for electrical and electronic equipment Part 5: Chemical loads Pages: 9 Replaces: ISO 16750-5:2010 ISO 17294-2:2023 Water quality Application of inductively coupled plasma mass spectrometry (ICP-MS) Part 2: Determination of selected elements including uranium isotopes Pages: 35 Replaces: ISO 17294-2:2016 ISO 1750:2023 Pesticides and other agrochemicals Common names Pages: 3
---	--	---

Replaces: ISO 1750:1981

ISO 17573-3:2023

Electronic fee collection
System architecture for vehicle-related tolling

Part 3: Data dictionary

Pages: 49

Replaces: ISO/TS 17573-3:2021

ISO 17689:2023

Space systems
Interface control documents between ground systems, ground support equipment and launch vehicle with payload

Pages: 16

Replaces: ISO 17689:2015

ISO 17751-1:2023

Textiles
Quantitative analysis of cashmere, wool, other specialty animal fibres and their blends

Part 1: Light microscopy method

Pages: 45

Replaces: ISO 17751-1:2016

ISO 17751-2:2023

Textiles
Quantitative analysis of cashmere, wool, other specialty animal fibres and their blends

Part 2: Scanning electron microscopy method

Pages: 53

Replaces: ISO 17751-2:2016

ISO 17842-1:2023

Safety of amusement rides and amusement devices

Part 1: Design and manufacture

Pages: 167

Replaces: ISO 17842-1:2015

ISO 18274:2023

Welding consumables
Solid wire electrodes, solid strip electrodes, solid wires and solid rods for fusion welding of nickel and nickel alloys

Classification

Pages: 27

Replaces: ISO 18274:2010

ISO 18400-301:2023

Soil quality
Sampling
Part 301: Sampling and on site semi-quantitative determinations of volatile organic compounds in field investigations

Pages: 52

ISO 18475:2023

Environmental solid matrices
Determination of polychlorinated biphenyls (PCB) by gas chromatography - mass selective detection (GC-MS) or electron-capture detection (GC-ECD)

Pages: 40

ISO 18674-8:2023

Geotechnical investigation and testing
Geotechnical monitoring by field instrumentation

Part 8: Measurement of loads:

Load cells

Pages: 33

ISO 18692-4:2023

Fibre ropes for offshore stationkeeping

Part 4: Polyarylate

Pages: 9

Replaces: ISO/TS 19336:2015

ISO 18937-2:2023

Imaging materials
Methods for measuring indoor light stability of photographic prints

Part 2: Xenon-arc lamp exposure

Pages: 13

Replaces: ISO 18937:2020

ISO 19095-5:2023

Plastics
Evaluation of the adhesion interface performance in plastic-metal assemblies

Part 5: Fracture energy

Pages: 12

ISO 19115-3:2023

Geographic information
Metadata
Part 3: XML schema implementation for fundamental concepts

Pages: 100

Replaces: ISO/TS 19115-3:2016

ISO 19150-6:2023

Geographic information
Ontology
Part 6: Service ontology register

Pages: 30

ISO 19160-2:2023

Addressing
Part 2: Assigning and maintaining addresses for objects in the physical world

Pages: 42

ISO 19238:2023

Radiological protection
Performance criteria for service laboratories performing biological dosimetry by cytogenetics

Dicentric assay

Pages: 39

Replaces: ISO 19238:2014

ISO 19642-2:2023

Road vehicles
Automotive cables
Part 2: Test methods

Pages: 88

Replaces: ISO 19642-2:2019

ISO 19682:2023

Furniture
Tables
Test methods for the determination of stability, strength and durability

Pages: 45

Replaces: ISO 21016:2007

ISO 19711-2:2023

Building construction machinery and equipment
Truck mixers
Part 2: Safety requirements

Pages: 37

ISO 19810:2023

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics)
Test method for self-cleaning performance of semiconducting photocatalytic materials under indoor lighting environment
Measurement of water contact angle

Pages: 12

Replaces: ISO 19810:2017

ISO 199:2023

Rolling bearings
Thrust bearings
Geometrical product specifications (GPS) and tolerance values

Pages: 13

Replaces: ISO 199:2014

ISO 19901-8:2023

Oil and gas industries including lower carbon energy
Offshore structures
Part 8: Marine soil investigations

Pages: 154

Replaces: ISO 19901-8:2014

ISO 19905-1:2023

Oil and gas industries including lower carbon energy
Site-specific assessment of mobile offshore units
Part 1: Jack-ups: elevated at a site
Pages: 369

Replaces: ISO 19905-1:2016

ISO 20043-2:2023

Measurement of radioactivity in the environment
Guidelines for effective dose assessment using environmental monitoring data
Part 2: Emergency exposure situation
Pages: 33

❖ **TIÊU CHUẨN IEC****IEC 61158-5-10:2023**

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-10: Application layer service definition - Type 10 elements
Pages: 1591

IEC 61158-5-2:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-2: Application layer service definition - Type 2 elements
Pages: 505

IEC 61158-5-4:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-4: Application layer service definition - Type 4 elements
Pages: 149

IEC 61158-3-24:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 3-24: Data-link layer service definition - Type 24 elements
Pages: 83

IEC 61158-3-2:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 3-2: Data-link layer service definition - Type 2 elements
Pages: 101

IEC 61158-3-4:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 3-4: Data-link layer service definition - Type 4 elements
Pages: 53

IEC 61158-4-21:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 4-21: Data-link layer protocol specification - Type 21 elements
Pages: 224

IEC 61158-4-24:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 4-24: Data-link layer protocol specification - Type 24 elements
Pages: 286

IEC 61158-4-2:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 4-2: Data-link layer protocol specification - Type 2 elements
Pages: 845

IEC 61158-4-4:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 4-4: Data-link layer protocol specification - Type 4 elements
Pages: 99

IEC 61097-12:1996+

AMD1:2017+AMD2:2023 CSV
Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 12: Survival craft portable two-way VHF radiotelephone apparatus - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results
Pages: 146

IEC 61097-

12:1996/AMD2:2023
Amendment 2 - Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 12: Survival craft portable two-way VHF radiotelephone apparatus - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results
Pages: 10

IEC 61969-3:2023

Mechanical structures for electrical and electronic equipment - Outdoor enclosures - Part 3: Environmental requirements, tests and safety aspects
Pages: 33

IEC 61969-3:2023 RLV

Mechanical structures for electrical and electronic equipment - Outdoor enclosures - Part 3: Environmental requirements, tests and safety aspects
Pages: 54

ISO/IEC 1539-1:2023

Programming languages - Fortran - Part 1: Base language
Pages: 674

ISO/IEC 23092-6:2023

Information technology - Genomic information representation - Part 6: Coding of genomic annotations
Pages: 129

ISO/IEC 25010:2023

Systems and software engineering - Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuaRE) - Product quality model
Pages: 22

IEC 60502-4:2023

Power cables with extruded insulation and their accessories for rated voltages from 1 kV ($U_m = 1,2$ kV) up to 30 kV ($U_m = 36$ kV) - Part 4: Test requirements on accessories for cables with rated voltages from 6 kV ($U_m = 7,2$ kV) up to 30 kV ($U_m = 36$ kV)
Pages: 37

IEC 62282-2-100:2020

Fuel cell technologies - Part 2-100: Fuel cell modules - Safety
Pages: 90

IEC 62282-2-**100:2020/COR1:2023**

Corrigendum 1 - Fuel cell technologies - Part 2-100: Fuel cell modules - Safety
Pages: 1

IEC 62772:2023

Composite hollow core station post insulators with a.c. voltage greater than 1 000 V and d.c.

voltage greater than 1 500 V -
Definitions, test methods and
acceptance criteria

Pages: 62

IEC 62772:2023 RLV

Composite hollow core station
post insulators with a.c. voltage
greater than 1 000 V and d.c.
voltage greater than 1 500 V -
Definitions, test methods and
acceptance criteria

Pages: 95

IEC 80601-2-77:2019

+AMD1:2023 CSV

Medical electrical equipment -
Part 2-77: Particular
requirements for the basic safety
and essential performance of
robotically assisted surgical
equipment

Pages: 230

IEC 80601-2-77:2019/

AMD1:2023

Amendment 1 - Medical electrical
equipment - Part 2-77: Particular
requirements for the basic safety
and essential performance of
robotically assisted surgical
equipment

Pages: 16

IEC TS 61400-31:2023

Wind energy generation systems
- Part 31: Siting risk assessment

Pages: 566

IEC 60127-1:2023

Miniature fuses - Part 1:
Definitions for miniature fuses
and general requirements for
miniature fuse-links

Pages: 71

IEC 60127-1:2023 RLV

Miniature fuses - Part 1:
Definitions for miniature fuses
and general requirements for
miniature fuse-links

Pages: 112

IEC 60127-6:2023

Miniature fuses - Part 6: Fuse-
holders for miniature fuse-links

Pages: 116

IEC 60127-6:2023 RLV

Miniature fuses - Part 6: Fuse-
holders for miniature fuse-links

Pages: 183

IEC 60601-2-50:2020

+AMD1:2023 CSV

Medical electrical equipment -
Part 2-50: Particular
requirements for the basic safety
and essential performance of
infant phototherapy equipment

Pages: 123

IEC 61400-50-3:2022

Wind energy generation systems
- Part 50-3: Use of nacelle-
mounted lidars for wind
measurements

Pages: 159

IEC 61400-50-3:2022/

COR1:2023

Corrigendum 1 - Wind energy
generation systems - Part 50-3:
Use of nacelle-mounted lidars for
wind measurements

Pages: 4

IEC 61753-081-02:2023

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Performance standard - Part 081-
02: Non-connectorized single-
mode fibre optic middle-scale 1 x
N DWDM devices for category C -
Controlled environments

Pages: 35

IEC 62109-1:2010

Safety of power converters for
use in photovoltaic power
systems - Part 1: General
requirements

Pages: 56

IEC 61753-081-06:2023

Fibre optic interconnecting
devices and passive components -
Performance standard - Part 081-
06: Non-connectorized single-
mode fibre optic middle-scale 1 x
N DWDM devices for category
OP+ - Extended outdoor
protected environment

Pages: 38

IEC TS 63444:2023

Industrial networks – Ethernet-
APL port profile specification

Pages: 36

IEC 60763-2:2007+AMD1:2023

CSV

Amendment 1 - Specification for
laminated pressboard - Part 2:
Methods of test

Pages: 80

IEC 60763-2:2007/AMD1:2023

Amendment 1 - Specification for
laminated pressboard - Part 2:
Methods of test

Pages: 8

IEC 60893-2:2023

Insulating materials - Industrial
rigid laminated sheets based on
thermosetting resins for
electrical purposes - Part 2:
Methods of test

Pages: 73

IEC 60893-2:2023 RLV

Insulating materials - Industrial
rigid laminated sheets based on
thermosetting resins for
electrical purposes - Part 2:
Methods of test

Pages: 109

ISO/IEC 15444-2:2023

Information technology - JPEG
2000 image coding system - Part
2: Extensions

Pages: 386

Replaces: ISO/IEC 15444-
13:2008

ISO/IEC 18630:2023

Information technology - Digitally
recorded media for information
interchange and storage - Quality
discrimination method for optical
disks and operating method of
storage systems for long-term
data preservation

Pages: 15

**ISO/IEC 23090-14:2023/
AMD1:2023**

Amendment 1 - Information
technology - Coded
representation of immersive
media - Part 14: Scene
description

Pages: 15

ISO/IEC 23090-5:2023

Information technology - Coded
representation of immersive
media - Part 5: Visual volumetric
video-based coding (V3C) and
video-based point cloud
compression (V-PCC)

Pages: 351

ISO/IEC 23093-4:2023

Information technology - Internet
of media things - Part 4:
Reference software and
conformance

Pages: 12

IEC 60601-2-19:2020**+AMD1:2023 CSV**

Medical electrical equipment - Part 2-19: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant incubators

Pages: 176

**IEC 60601-2-19:2020/
AMD1:2023**

Amendment 1 - Medical electrical equipment - Part 2-19: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant incubators

Pages: 22

**IEC 60601-2-20:2020+
AMD1:2023 CSV**

Medical electrical equipment - Part 2-20: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant transport incubators

Pages: 195

**IEC 60601-2-20:2020/
AMD1:2023**

Amendment 1 - Medical electrical equipment - Part 2-20: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant transport incubators

Pages: 21

IEC 62153-4-16:2021

Metallic cables and other passive components test methods - Part 4-16: Electromagnetic compatibility (EMC) - Extension of the frequency range to higher frequencies for transfer impedance and to lower frequencies for screening attenuation measurements using the triaxial set-up

Pages: 41

**IEC 62153-4-16:2021/
COR1:2023**

Corrigendum 1 - Metallic cables and other passive components test methods - Part 4-16: Electromagnetic compatibility (EMC) - Extension of the frequency range to higher frequencies for transfer

impedance and to lower frequencies for screening attenuation measurements using the triaxial set-up

Pages: 2

IEC 62271-207:2023

High-voltage switchgear and controlgear - Part 207: Seismic qualification for gas-insulated switchgear assemblies, metal enclosed and solid-insulation enclosed switchgear for rated voltages above 1 kV

Pages: 71

Replaces: IEC 62271-207:2012

IEC TS 60286-6-1:2023

Packaging of components for automatic handling - Part 6-1: Bulk case packaging for miniaturized surface mounting components

Pages: 14

IEC TS 61000-3-16:2023

Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 3-16: Limits - Limits for harmonic currents produced by the inverter of inverter-type electrical energy-supplying equipment with a reference current less than or equal to 75 A per phase connected to public low-voltage systems

Pages: 20

IEC 60809:2021+**AMD1:2023 CSV**

Lamps and light sources for road vehicles - Dimensional, electrical and luminous requirements

Pages: 390

IEC 60809:2021/AMD1:2023

Amendment 1 - Lamps and light sources for road vehicles - Dimensional, electrical and luminous requirements

Pages: 29

IEC 60947-4-1:2023

Low-voltage switchgear and controlgear - Part 4-1: Contactors and motor-starters - Electromechanical contactors and motor-starters

Pages: 385

Replaces: IEC 60947-4-1:2018/
COR2:2021

IEC 62453-302:2023

Field device tool (FDT) interface specification - Part 302:

Communication profile

integration - IEC 61784 CPF 2

Pages: 73

IEC 62453-302:2023 RLV

Field device tool (FDT) interface specification - Part 302:

Communication profile

integration - IEC 61784 CPF 2

Pages: 109

IEC 62933-4-4:2023

Electrical energy storage (EES) systems - Part 4-4:

Environmental requirements for battery-based energy storage systems (BESS) with reused batteries

Pages: 37

IEC PAS 63503-3-30:2023

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Connector optical interfaces for

multi-core fibre - Part 3-30:

Connector parameters of

standard outer diameter 4-core physically contacting fibres -

Non-angled 2,5 mm and 1,25 mm diameter cylindrical full zirconia ferrules

Pages: 11

IEC 62506:2023

Methods for product accelerated testing

Pages: 190

IEC 62506:2023 CMV

Methods for product accelerated testing

Pages: 308

IEC 62626-1:2023

Low-voltage switchgear and controlgear enclosed equipment -

Part 1: Additional requirements for enclosed switch-

disconnectors in accordance with IEC 60947-3 - Isolation of

electrical equipment during

repair and maintenance work in specific applications

Pages: 21

IEC 62626-1:2023 RLV

Low-voltage switchgear and controlgear enclosed equipment -

Part 1: Additional requirements for enclosed switch-

disconnectors in accordance with

IEC 60947-3 - Isolation of electrical equipment during repair and maintenance work in specific applications

Pages: 33

IEC GUIDE 121:2023

Securing credible environmentally relevant performance assessment methods in standards

ACEA

Pages: 24

IEC TR 63385-1:2023

Transmitting and receiving equipment for radiocommunication - Short-range radar technologies and their performance standard - Part 1: System applications of short-range radars

Pages: 18

IEC TS 62898-2:2018

+AMD1:2023 CSV

Microgrids - Part 2: Guidelines for operation

Pages: 77

IEC TS 62898-2:2018/AMD1:2023

Amendment 1 - Microgrids - Part 2: Guidelines for operation

Pages: 6

IEC TS 62898-3-1:2020+

AMD1:2023 CSV

Microgrids - Part 3-1: Technical requirements - Protection and dynamic control

Pages: 87

IEC TS 62898-3-1:2020/AMD1:2023

Amendment 1 - Microgrids - Part 3-1: Technical requirements - Protection and dynamic control

Pages: 8

ISO/IEC 30173:2023

Digital twin - Concepts and terminology

Pages: 28

ISO/IEC 10918-7:2023

Information technology - Digital compression and coding of continuous-tone still images - Part 7: Reference software

Pages: 12

ISO/IEC 23008-2:2023

Information technology - High efficiency coding and media

delivery in heterogeneous environments - Part 2: High efficiency video coding

Pages: 899

ISO/IEC 7816-4:2020/AMD1:2023

Amendment 1 - Identification cards - Integrated circuit cards - Part 4: Organization, security and commands for interchange

Pages: 3

Replaces: ISO/IEC 7816-4:2013/AMD2:2018

ISO/IEC 7816-8:2021/AMD1:2023

Amendment 1 - Identification cards - Integrated circuit cards - Part 8: Commands and mechanisms for security operations

Pages: 48

ISO/IEC/IEEE 15026-3:2023

Systems and software engineering - Systems and software assurance - Part 3: System integrity levels

Pages: 21

IEC 60143-1:2015

+AMD1:2023 CSV

Series capacitors for power systems - Part 1: General

Pages: 259

IEC 60143-1:2015/AMD1:2023

Amendment 1 - Series capacitors for power systems - Part 1: General

Pages: 5

IEC 60601-2-21:2020

+AMD1:2023 CSV

Medical electrical equipment - Part 2-21: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant radiant warmers

Pages: 157

Replaces: IEC 60601-2-21:2009/AMD1:2016

IEC 60601-2-

21:2020/AMD1:2023

Amendment 1 - Medical electrical equipment - Part 2-21: Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant radiant warmers

Pages: 17

IEC 61442:2023

Test methods for accessories for power cables with rated voltages from 6 kV (Um = 7,2 kV) up to 30 kV (Um = 36 kV)

Pages: 69

IEC 61442:2023 RLV

Test methods for accessories for power cables with rated voltages from 6 kV (Um = 7,2 kV) up to 36 kV (Um = 42 kV)

Pages: 106

ISO 80601-2-12:2023

Medical electrical equipment - Part 2-12: Particular requirements for basic safety and essential performance of critical care ventilators

Pages: 158

ISO 80601-2-84:2023

Medical electrical equipment - Part 2-84: Particular requirements for the basic safety and essential performance of ventilators for the emergency medical services environment

Pages: 138

IEC 60811-201:2012+

AMD1:2017+AMD2:2023 CSV

Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 201: General tests - Measurement of insulation thickness

Pages: 43

IEC 60811-

201:2012/AMD2:2023

Amendment 2 - Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 201: General tests - Measurement of insulation thickness

Pages: 5

IEC 60811-202:2012

+AMD1:2017+AMD2:2023 CSV

Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 202: General tests - Measurement of thickness of non-metallic sheath

Pages: 49

IEC 60811-202:2012/

AMD2:2023

Amendment 2 - Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic

materials - Part 202: General tests - Measurement of thickness of non-metallic sheath
Pages: 5

IEC 60811-501:2012+

AMD1:2018+AMD2:2023 CSV
Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 501: Mechanical tests - Tests for determining the mechanical properties of insulating and sheathing compounds

Pages: 68

**IEC 60811-501:2012/
AMD2:2023**

Amendment 2 - Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 501: Mechanical tests - Tests for determining the mechanical properties of insulating and sheathing compounds

Pages: 8

**IEC 60811-503:2012+
AMD1:2023 CSV**

Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 503: Mechanical tests - Shrinkage test for sheaths

Pages: 32

**IEC 60811-503:2012/
AMD1:2023**

Amendment 1 - Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 503: Mechanical tests - Shrinkage test for sheaths

Pages: 6

**IEC 60811-508:2012+
AMD1:2017+AMD2:2023 CSV**

Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 508: Mechanical tests - Pressure test at high temperature for insulation and sheaths

Pages: 76

**IEC 60811-508:2012/
AMD2:2023**

Amendment 2 - Electric and optical fibre cables - Test methods for non-metallic materials - Part 508: Mechanical tests - Pressure test at high

temperature for insulation and sheaths

Pages: 8

IEC 61139-3:2023

Industrial networks - Single-drop digital communication interface - Part 3: Wireless extensions

Pages: 807

IEC 61139-3:2023

Industrial networks - Single-drop digital communication interface - Part 3: Wireless extensions

Pages: 145

IEC 63251:2023

Test method for mechanical properties of flexible opto-electric circuit boards under thermal stress

Pages: 42

IEC TS 61966-13:2023

Multimedia systems and equipment - Colour measurement and management - Part 13: Measurement method of display colour properties depending on observers

Pages: 49

IEC 60079-31:2022

Explosive atmospheres - Part 31: Equipment dust ignition protection by enclosure "t"

Pages: 39

IEC 60079-31:2022 RLV

Explosive atmospheres - Part 31: Equipment dust ignition protection by enclosure "t"

Pages: 61

IEC 60079-31:2022/COR1:2023

Corrigendum 1 - Explosive atmospheres - Part 31: Equipment dust ignition protection by enclosure "t"

Pages: 3

IEC 60966-3-1:2023

Radio frequency and coaxial cable assemblies - Part 3-1: Blank detail specification for semi-flexible coaxial cable assemblies

Pages: 22

IEC 60966-3:2023

Radio frequency and coaxial cable assemblies - Part 3: Sectional specification for semi-flexible coaxial cable assemblies

Pages: 45

IEC TR 62285:2023

Application guidelines for nonlinear coefficient measuring methods

Pages: 23

IEC TR 62285:2023 RLV

Application guidelines for nonlinear coefficient measuring methods

Pages: 47

IEC TS 61496-5:2023

Safety of machinery – Electro-sensitive protective equipment - Part 5: Particular requirements for radar-based protective devices

Pages: 49

**IEC TS 61496-5:2023/
COR1:2023**

Corrigendum 1 - Safety of machinery – Electro-sensitive protective equipment - Part 5: Particular requirements for radar-based protective devices

Pages: 1

ISO/IEC 14496-15:2022/AMD1:2023

Amendment 1 - Information technology - Coding of audio-visual objects - Part 15: Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format

Pages: 9

ISO/IEC 14543-5-103:2023

Information technology - Home electronic system (HES) architecture - Part 5-103: Intelligent grouping and resource sharing for HES Class 2 and Class 3 - Remote access smart audio interconnection profile

Pages: 29

ISO/IEC 23090-23:2023

Information technology - Coded representation of immersive media - Part 23: Conformance and reference software for MPEG immersive video

Pages: 13

ISO/IEC 30108-2:2023

Biometrics - Identity attributes verification services - Part 2: RESTful specification

Pages: 126

ISO/IEC TR 30172:2023

Internet of things (IoT) - Digital twin - Use cases

Pages: 177

IEC TS 63189-2:2023

Virtual Power Plants - Part 2: Use Cases

Pages: 72

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

JIS A 5559:2023

Screw for timber structure

Pages: 16

JIS B 7450:2023

Linear encoder

Pages: 26

Replaces: JIS B 7450 :1989

JIS B 8576:2023

Hydrogen metering system for motor vehicles

Pages: 76

Replaces: JIS B 8576 :2016

JIS B 8629:2023

Fluorocarbon refrigerant recovery equipment -- Vapour compression type

Pages: 30

Replaces: JIS B 8629 :2008

JIS B 9947:2023

Test method for evaluating performance to identify and count bubbles in liquid particle counters

Pages: 24

JIS K 6353:2023

Rubber seals -- Joint parts for water supply, drainage and sewerage pipelines

Pages: 24

Replaces: JIS K 6353:1997/
AMEN DMENT 4 :2011

JIS P 8149:2023

Paper and board -- Determination of opacity (paper backing) -- Diffuse reflectance method

Pages: 14

Replaces: JIS P 8149 :2000

JIS X 6301:2023

Identification cards -- Physical characteristics

Pages: 18

Replaces: JIS X 6301 :2005

JIS Z 2500:2023

Powder metallurgy – Vocabulary

Pages: 46

Replaces: JIS Z 2500:2000

JIS Z 8891:2023

Particle size analysis -- Small angle X-ray scattering (SAXS)

Pages: 34

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

BS EN IEC 61800-5-3:2023

Adjustable speed electrical power drive systems - Safety requirements. Functional, electrical and environmental requirements for encoders

BS EN IEC 61800-5-1:2023

Adjustable speed electrical power drive systems - Safety requirements. Electrical, thermal and energy

Replace: BS EN 61800-5-1:2007+A11:2021

BS ISO 5286:2023

Flight performance of civil small and light fixed-wing unmanned aircraft systems (UAS). Test methods

BS EN ISO 14644-18:2023

Cleanrooms and associated controlled environments - Assessment of suitability of consumables

BS ISO 19711-2:2023

Building construction machinery and equipment. Truck mixers - Safety requirements

BS EN 15085-2:2020+A1:2023

Railway applications. Welding of railway vehicles and components - Requirements for welding manufacturer

BS EN ISO 11855-3:2021+A1:2023

Building environment design. Embedded radiant heating and cooling systems - Design and dimensioning

Replace: BS EN ISO 11855-3:2021

BS EN ISO 11855-4:2021+A1:2023

Building environment design. Embedded radiant heating and cooling systems - Dimensioning and calculation of the dynamic heating and cooling capacity of Thermo Active Building Systems (TABS)

Replace: BS EN ISO 11855-4:2021

BS EN 17891:2023

Conservation of cultural heritage. Desalination of porous inorganic materials by poultices

BS EN ISO 10524-1:2019+A1:2023

Pressure regulators for use with medical gases - Pressure regulators and pressure regulators with flow-metering devices

BS EN 60061-3:1993+A59:2023

Lamp caps and holders together with gauges for the control of interchangeability and safety – Gauges

Replace: BS EN 60061-3:1993

BS ISO 23447:2023

Healthcare organization management. Hand hygiene performance

BS EN ISO 11607-1:2020+A1:2023

Packaging for terminally sterilized medical devices - Requirements for materials, sterile barrier systems and packaging systems

BS EN IEC 60794-1-306:2023

Optical fibre cables - Part 1-306: Generic specification – Basic optical cable test procedures – Cable element test methods – Ribbon torsion, Method G6

BS EN 17846:2023

Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative test method for the evaluation of sporicidal activity against *Clostridioides difficile* on non-porous surfaces with mechanical action employing wipes in the medical area (4-field test). Test method and requirements (phase 2, step 2)

BS EN IEC 62471-6:2023

Photobiological safety of lamps and lamp systems - Ultraviolet lamp products

BS ISO/IEC 30108-2:2023

Biometrics. Identity attributes verification services - RESTful specification

BS EN 9300-120:2023

Aerospace series. LOTAR. LOng Term Archiving and Retrieval of

digital technical product documentation such as 3D CAD and PDM data - CAD 3D explicit geometry with graphic product and manufacturing information
BS EN ISO 19905-1:2023

Oil and gas industries including lower carbon energy. Site-specific assessment of mobile offshore units - Jack-ups: elevated at a site
Replace: BS EN ISO 19905-1:2016
BS EN 17516:2023

Waste. Characterization of granular solids with potential for use as construction material. Compliance leaching test. Up-flow percolation test
BS ISO 5146:2023

Coal and coke. Coal preparation plant. Density tracer testing for measuring performances of coal density separators
BS ISO 5312:2023

Civil small and light unmanned aircraft (UA). Sharp injury to human body by rotor blades. Evaluation and test method
BS ISO 630-6:2023

Structural steels - Technical delivery conditions for seismic-proof improved structural steels for building
BS ISO 23948:2023

Plastics. Intumescence properties of PVC materials and products. Test method for the measurement of expansion with the cone calorimeter
BS ISO 22733-2:2023

Road vehicles. Test method to evaluate the performance of autonomous emergency braking systems - Car to pedestrian
BS EN IEC 62056-6-2:2023

Electricity metering data exchange. The DLMS®/COSEM suite - COSEM interface classes
Replace: BS EN IEC 62056-6-2:2018
BS ISO 24227:2023

Validation protocol for walking speed as extracted from various sensor systems that measure human body motion for the healthcare sector
BS ISO 4631:2023

Corrosion of metals and alloy. Measurement of the electrochemical critical localized corrosion potential (E-CLCP) for Ti alloys fabricated via additive manufacturing method in simulated biomedical solutions
BS EN 17799:2023

Personal data protection requirements for processing operations
BS ISO 8559-5:2023

Size designation of clothes - Anthropometric measurements for the head and face
BS ISO 4723:2023

Water quality. Actinium-227. Test method using alpha-spectrometry
BS ISO/IEC 10373-1:2020+A1:2023

Cards and security devices for personal identification. Test methods - General characteristics
Replace: BS ISO/IEC 10373-1:2006+A1:2014
BS EN 17690-1:2023

Components for BAC control loop. Sensors - Room temperature sensors
BS EN IEC 62056-8-12:2023

Electricity metering data exchange. The DLMS®/COSEM suite - Communication profile for Low-Power Wide Area Networks (LPWANs)
Replace:
BS EN 1176-1:2017+A1:2023

Playground equipment and surfacing - General safety requirements and test methods
Replace: BS EN 1176-1:2008
BS ISO/IEC 20237:2023

Information technology. Sparkplug® version 3.0
BS IEC 63055:2023
Format for LSI-Package-Board Interoperable design
BS IEC 61691-1-1:2023

Behavioural languages - VHDL Language Reference Manual
Replace: BS IEC 61691-1-1:2011
BS IEC 63501-2416:2023

Power Modeling to Enable System Level Analysis
BS EN ISO 11997-3:2023

Paints and varnishes. Determination of resistance to cyclic corrosion conditions - Testing of coating systems on materials and components in automotive construction
BS EN ISO 4628-6:2023

Paints and varnishes. Evaluation of quantity and size of defects, and of intensity of uniform changes in appearance - Assessment of degree of chalking by tape method
Replace: BS EN ISO 4628-6:2011
BS ISO 13105-2:2023

Building construction machinery and equipment. Machinery for concrete surface floating and finishing - Safety requirements and verification
Replace: BS ISO 13105-2:2014+A1:2017
BS ISO 1496-4:2023

Series 1 freight containers. Specification and testing - Non-pressurized containers for dry bulk
Replace: BS ISO 1496-4:1991
BS EN 13697:2023

Chemical disinfectants and antiseptics. Quantitative non-porous surface test for the evaluation of bactericidal and yeastocidal and/or fungicidal activity of chemical disinfectants used in food, industrial, domestic and institutional areas without mechanical action. Test method and requirements without mechanical action (phase 2, step 2)
Replace: BS EN 13697:2015+A1:2019
BS EN ISO 25980:2023

Health and safety in welding and allied processes. Transparent welding curtains, strips and screens for arc welding processes
Replace: BS EN ISO 25980:2014
BS EN ISO 4210-4:2023

Cycles. Safety requirements for bicycles - Braking test methods
Replace: BS EN ISO 4210-4:2014
BS EN 13523-23:2023

Coil coated metals. Test methods - Resistance to humid

atmospheres containing sulfur dioxide

Replace: BS EN 13523-23:2015

BS EN ISO 9012:2023

Gas welding equipment. Air-aspirated hand blowpipes.

Specifications and tests

Replace: BS EN ISO 9012:2011

BS EN 13877-2:2023

Concrete pavements - Functional requirements for concrete pavements

Replace: BS EN 13877-2:2013

BS ISO 8529-3:2023

Neutron reference radiation fields - Calibration of area and personal dosimeters and determination of their response as a function of neutron energy and angle of incidence

BS ISO 20045:2023

Measurement of the radioactivity in the environment. Air: tritium.

Test method using bubbler sampling

BS EN ISO 6076:2023

Adhesives. Installation of floor coverings, wood flooring, levelling compounds and tiles. Specification of trowel notch sizes

BS EN ISO 5361:2023

Anaesthetic and respiratory equipment. Tracheal tubes and connectors

Replace: BS EN ISO 5361:2016

BS ISO 24566-1:2023

Drinking water, wastewater and storm water systems and services. Adaptation of water services to climate change impacts - Assessment principles

BS ISO 7204:2023

Specification for wetting agents for application on Class A fires

BS EN ISO 18755:2023

Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics). Determination of thermal diffusivity of monolithic ceramics by flash method

BS ISO 9924-1:2023

Rubber and rubber products.

Determination of the composition of vulcanizates and uncured compounds by thermogravimetry

- Butadiene, ethylene-propylene copolymer and terpolymer, isobutene-isoprene, isoprene and styrene-butadiene rubber

Replace: BS ISO 9924-1:2016

BS EN ISO 4210-6:2023

Cycles. Safety requirements for bicycles - Frame and fork test methods

Replace: BS EN ISO 4210-6:2015

BS ISO 11798:2023

Information and documentation. Permanence and durability of writing, printing and copying on paper. Requirements and test methods

BS ISO 5332:2023

Civil small and light unmanned aircraft systems (UAS) under low-pressure conditions. Test methods

BS ISO 13315-3:2023

Environmental management for concrete and concrete structures - Production of concrete constituents and concrete

BS ISO 37004:2023

Governance of organizations. Governance maturity model. Guidance

BS EN 17839:2023

Glass in building. Glazing and airborne sound insulation.

Validation procedure for calculation tools

BS ISO 11749:2023

Belt drives. V-ribbed belts for the automotive industry. Fatigue test

BS EN 17877:2023

Dynamic mixers and agitators. Definitions and hydraulic characterizations

BS EN ISO 8130-15:2023

Coating powders - Rheology

BS EN IEC 62877-1:2023

Electrolyte and water for vented lead acid accumulators -

Requirements for electrolyte

BS ISO 14180:2023

Coal. Guidance on the sampling of coal seams

Replace: BS ISO 14180:2017

BS EN 2665-001:2023

Aerospace series. Circuit breakers, three-pole, temperature compensated, rated

currents 20 A to 50 A - Technical specification

Replace: BS EN 2665-001:2013

❖ TIÊU CHUẨN ASTM

ASTM D8463/D8463M-23

Standard Specification for High Solids Content, Cold Liquid-Applied Elastomeric, Silyl-Terminated Polymer Based Waterproofing Membrane for Use with Separate Wearing Course

Pages: 4

ASTM D4762-23

Standard Guide for Testing Polymer Matrix Composite Materials

Pages: 27

Replaces: ASTM D4762-18

ASTM E3277-23a

Standard Test Method for Determining the Liquid or Solid State of a Material by Rheometry

Pages: 4

Replaces: ASTM E3277-23

ASTM C933-23

Standard Specification for Welded Wire Lath

Pages: 2

Replaces: ASTM C933-18

ASTM F3232/F3232M-23a

Standard Specification for Flight Controls in Small Aircraft

Pages: 20

Replaces:

ASTM F3232/F3232M-23

ASTM E3344-23

Standard Guide for Developing Representative Sediment Background Concentrations at Sediment Sites—Selection of Background Reference Areas

Pages: 16

Replaces: ASTM E3344-22

ASTM D5746-23

Standard Classification of Environmental Condition of Property Area Types, Including Explosives Safety for Federally-Owned Real Property

Pages: 14

Replaces:

ASTM D5746-98(2016)

ASTM C1810/C1810M-23

Standard Guide for Comparing Performance of Concrete-Making Materials Using Mortar Mixtures
Pages: 12

Replaces: ASTM C1810/C1810M-22

ASTM C1758/C1758M-23

Standard Practice for Fabricating Test Specimens with Self-Consolidating Concrete

Pages: 2

Replaces: ASTM C1758/C1758M-15

ASTM E617-23

Standard Specification for Laboratory Weights and Precision Mass Standards

Pages: 16

Replaces: ASTM E617-18

ASTM A875/A875M-23

Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-5 % Aluminum Alloy-Coated by the Hot-Dip Process

Pages: 12

Replaces:

ASTM A875/A875M-22

ASTM F3139-15(2023)

Standard Test Method for Analysis of Tin-Based Solder Alloys for Minor and Trace Elements Using Inductively Coupled Plasma Atomic Emission Spectrometry

Pages: 8

Replaces: ASTM F3139-15

ASTM F2897-23a

Standard Specification for Tracking and Traceability Encoding System of Natural Gas Distribution Components (Pipe, Tubing, Fittings, Valves, and Appurtenances)

Pages: 23

Replaces: ASTM F2897-23

ASTM F2617-15(2023)

Standard Test Method for Identification and Quantification of Chromium, Bromine, Cadmium, Mercury, and Lead in Polymeric Material Using Energy Dispersive X-ray Spectrometry

Pages: 12

Replaces: ASTM F2617-15

ASTM F2097-23

Standard Guide for Design and Evaluation of Primary Flexible Packaging for Medical Products

Pages: 27

Replaces: ASTM F2097-20

ASTM E3272-23

Standard Guide for Collection of Soils and Other Geological Evidence for Criminal Forensic Applications

Pages: 9

Replaces: ASTM E3272-21

ASTM B571-23

Standard Practice for Qualitative Adhesion Testing of Metallic Coatings

Pages: 4

Replaces: ASTM B571-18

ASTM C747-23

Standard Test Method for Moduli of Elasticity and Fundamental Frequencies of Carbon and Graphite Materials by Sonic Resonance

Pages: 19

Replaces: ASTM C747-16

ASTM F3658-23

Standard Guide for Crewed Suborbital Space Vehicle Design

Pages: 4

ASTM F3396/F3396M-23a

Standard Practice for Aircraft Simplified Loads Criteria

Pages: 12

Replaces: ASTM F3396/F3396M-23

ASTM F3116/F3116M-23a

Standard Specification for Design Loads and Conditions

Pages: 17

Replaces: ASTM F3116/F3116M-23

ASTM F3078-15(2023)

Standard Test Method for Identification and Quantification of Lead in Paint and Similar Coating Materials using Energy Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry (EDXRF)

Pages: 15

Replaces: ASTM F3078-15

ASTM F2853-10(2023)

Standard Test Method for Determination of Lead in Paint Layers and Similar Coatings or in Substrates and Homogenous

Materials by Energy Dispersive X-Ray Fluorescence Spectrometry Using Multiple Monochromatic Excitation Beams

Pages: 7

Replaces:

ASTM F2853-10(2015)

ASTM A314-23

Standard Specification for Stainless Steel Billets and Bars for Forging

Pages: 4

Replaces: ASTM A314-19

ASTM A532/A532M-10(2023)

Standard Specification for Abrasion-Resistant Cast Irons

Pages: 4

Replaces:

ASTM A532/A532M-10(2019)

ASTM D4204-16(2023)

Standard Practice for Preparing Plastic Film Specimens for a Round-Robin Study

Pages: 3

Replaces: ASTM D4204-16

ASTM D4014-23

Standard Specification for Plain and Steel-Laminated Elastomeric Bearings for Bridges

Pages: 7

Replaces:

ASTM D4014-03(2018)

ASTM F899-23

Standard Specification for Wrought Stainless Steels for Surgical Instruments

Pages: 8

Replaces: ASTM F899-20

ASTM D2911/D2911M-16(2023)

Standard Specification for Dimensions and Tolerances for Plastic Bottles

Pages: 17

Replaces: ASTM D2911/D2911M-16

ASTM D559/D559M-15(2023)

Standard Test Methods for Wetting and Drying Compacted Soil-Cement Mixtures

Pages: 6

Replaces: ASTM D559/D559M-15

ASTM A197/

A197M-00(2023)e1

<p>Standard Specification for Cupola Malleable Iron Pages: 5 Replaces: ASTM A197/A197M-00(2019) ASTM E2092-23 Standard Test Method for Distortion Temperature in Three-Point Bending by Thermomechanical Analysis Pages: 6 Replaces: ASTM E2092-18a ASTM A990/A990M-23 Standard Specification for Castings, Iron-Nickel-Chromium and Nickel Alloys, Specially Controlled for Pressure-Retaining Parts for Corrosive Service Pages: 7 Replaces: ASTM A990/A990M-21 ASTM D5887/D5887M-23 Standard Test Method for Measurement of Index Flux Through Saturated Geosynthetic Clay Liner Specimens Using a Flexible Wall Permeameter Pages: 8 Replaces: ASTM D5887/D5887M-22a ASTM D8531-23 Standard Specification for Latex-Based Pavement Sealers Containing Mineral Aggregates Pages: 3 ASTM D8265-23 Standard Practices for Electrical Methods for Mapping Leaks in Installed Geomembranes Pages: 6 Replaces: ASTM D8265-21 ASTM D5681-23 Standard Terminology for Waste and Waste Management Pages: 18 Replaces: ASTM D5681-22e1 ASTM D8065/D8065M-16(2023) Standard Classification System and Basis for Specification for Specifying Plastic Films Pages: 6 Replaces: ASTM D8065/D8065M-16 ASTM D7204-23</p>	<p>Standard Practice for Sampling Waste Streams on Conveyors Pages: 3 Replaces: ASTM D7204-15 ASTM D5508-23 Standard Test Method for Determination of Residual Acrylonitrile Monomer in Styrene-Acrylonitrile Copolymer Resins and Nitrile-Butadiene Rubber by Headspace-Capillary Gas Chromatography (HS-CGC) Pages: 5 Replaces: ASTM D5508-16 ASTM D5255-15(2023) Standard Practice for Certification of Personnel Engaged in the Testing of Soil and Rock Pages: 3 Replaces: ASTM D5255-15 ASTM C1931-23 Standard Test Method for Determination of Uranium Isotopic Composition by Gamma-Ray Spectrometry Pages: 11 ASTM D8291-23a Standard Test Method for Evaluation of Performance of Automotive Engine Oils in the Mitigation of Low-Speed, Preignition in the Sequence IX Gasoline Turbocharged Direct-Injection, Spark-Ignition Engine Pages: 86 Replaces: ASTM D8291-23 ASTM D5675-13(2023) Standard Classification for Low Molecular Weight PTFE and FEP Micronized Powders Pages: 4 Replaces: ASTM D5675-13(2018) ASTM D5662-23 Standard Test Method for Determining Automotive Gear Oil Compatibility with Typical Oil Seal Elastomers Pages: 7 Replaces: ASTM D5662-19a ASTM B874-96(2023) Standard Specification for Chromium Diffusion Coating Applied by Pack Cementation Process Pages: 3 Replaces: ASTM B874-96(2018) ASTM F2813-18(2023) Standard Specification for Glass Used as a Horizontal Surface in Desks and Tables Pages: 2 ASTM B867-95(2023) Standard Specification for Electrodeposited Coatings of Palladium-Nickel for Engineering Use Pages: 10 Replaces: ASTM B867-95(2018) ASTM B555-86(2023) Standard Guide for Measurement of Electrodeposited Metallic Coating Thicknesses by Dropping Test Pages: 5 Replaces: ASTM B555-86(2018) ASTM D942-23 Standard Test Method for Oxidation Stability of Lubricating Greases by the Oxygen Pressure Vessel Method Pages: 7 Replaces: ASTM D942-19 ASTM A474-03(2023) Standard Specification for Aluminum-Coated Steel Wire Strand Pages: 4 Replaces: ASTM A474-03(2017) ASTM B849-02(2023) Standard Specification for Pre-Treatments of Iron or Steel for Reducing Risk of Hydrogen Embrittlement Pages: 3 Replaces: ASTM B849-02(2019) ASTM E2160-23 Standard Test Method for Heat of Reaction of Thermally Reactive Materials by Differential Scanning Calorimetry Pages: 6 Replaces: ASTM E2160-04(2018) ASTM E953-23</p>
---	--

Standard Test Method for Fusibility of Refuse-Derived Fuel (RDF) Ash

Pages: 5

Replaces:

ASTM E953/E953M-16

ASTM D8535-23

Standard Test Method for Determination of Per- and Polyfluoroalkyl Substances (PFAS) in Soil/Biosolid Matrices by Solvent Extraction, Filtering, and Followed by Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry (LC/MS/MS)

Pages: 34

ASTM B556-90(2023)

Standard Guide for Measurement of Thin Chromium Coatings by Spot Test

Pages: 3

Replaces:

ASTM B556-90(2018)

ASTM D4437/D4437M-16(2023)

Standard Practice for Nondestructive Testing (NDT) for Determining the Integrity of Seams Used in Joining Flexible Polymeric Sheet Geomembranes

Pages: 2

Replaces: ASTM D4437/D4437M-16(2018)

ASTM B363-23

Standard Specification for Seamless and Welded Unalloyed Titanium and Titanium Alloy Welding Fittings

Pages: 4

Replaces: ASTM B363-19

ASTM B167-23

Standard Specification for Nickel-Chromium-Aluminum Alloys, Nickel-Chromium-Iron Alloys, Nickel-Chromium-Cobalt-Molybdenum Alloy, Nickel-Iron-Chromium-Tungsten Alloy, and Nickel-Chromium-Molybdenum-Copper Alloy Seamless Pipe and Tube

Pages: 9

Replaces: ASTM B167-18

ASTM A741-23

Standard Specification for Metallic-Coated Steel Wire Rope and Fittings for Highway Guardrail

Pages: 3

Replaces:

ASTM A741-11(2016)

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN 8074

Polyethylene (PE) pipes - PE 80, PE 100 - Dimensions; Text in German and English

DIN 16833

Polyethylene pipes of raised temperature resistance (PE-RT) - PE-RT Type I and PE-RT Type II - General quality requirements, testing; Text in German and English

DIN 16834

Polyethylene pipes of raised temperature resistance (PE-RT) - PE-RT Type I and PE-RT Type II - Dimensions; Text in German and English

DIN 16842

Polyethylene (PE) pipes - PE-HD for pressureless applications - General quality requirements, dimensions and testing; Text in German and English

DIN 16999

Plastics moulded parts - Surface qualities; Text in German and English

DIN 50989-5

Ellipsometry - Part 5: Multiple layers and periodic layers model; Text in German and English

DIN 81834

Components for anchoring equipment - Terms and definitions; Text in German and English

DIN EN 197-6

Cement - Part 6: Cement with recycled building materials; German version EN 197-6:2023

DIN EN 480-1

Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 1: Reference concrete and reference

mortar for testing; German version EN 480-1:2023

DIN EN 480-15

Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 15: Reference concrete and method for testing viscosity modifying admixtures; German version EN 480-15:2023

DIN EN 508-3

Roofing and cladding products from metal sheet - Specification for self-supporting products of steel, aluminium or stainless steel sheet - Part 3: Stainless steel; German version EN 508-3:2021+A1:2023

DIN EN 1396

Aluminium and aluminium alloys - Coil coated sheet and strip for general applications - Specifications; German version EN 1396:2023

DIN EN 1401-1

Plastics piping systems for non-pressure underground drainage and sewerage - Unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U) - Part 1: Specifications for pipes, fittings and the system; German version EN 1401-1:2019+A1:2023

DIN EN 1405

Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Sodium alginate; German version EN 1405:2023

DIN EN 1407

Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Anionic and non-ionic polyacrylamides; German version EN 1407:2023

DIN EN 1408

Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Poly(diallyldimethylammonium chloride); German version EN 1408:2023

DIN EN 1409

Chemicals used for water treatment intended for human consumption - Polyamines; German version EN 1409:2023

DIN EN 1410

Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Cationic polyacrylamides; German version EN 1410:2023

DIN EN 1455-1

Plastics piping systems for soil and waste discharge (low and high temperature) within the building structure - Acrylonitrile-butadiene-styrene (ABS) - Part 1: Specifications for pipes, fittings and the system; German version EN 1455-1:2022

DIN EN 1466

Child care articles - Carry cots and stands for domestic use - Safety requirements and test methods; German version EN 1466:202

DIN EN 1566-1

Plastics piping systems for soil and waste discharge (low and high temperature) within the building structure - Chlorinated poly(vinyl chloride) (PVC-C) - Part 1: Specifications for pipes, fittings and the system; German version EN 1566-1:2022

DIN EN 1915-1

Aircraft ground support equipment - General requirements - Part 1: Basic safety requirements; German and English version EN 1915-1:2023

DIN EN 1998-1/NA

National Annex - Nationally determined parameters - Eurocode 8: Design of structures for earthquake resistance - Part 1: General rules, seismic actions and rules for buildings

DIN EN 1998-5/NA

National Annex - National determined parameters - Eurocode 8: Design of structures for earthquake resistance - Part 5: Foundations, retaining structures and geotechnical aspects

DIN EN 2302

Aerospace series - Heat-resisting nickel base alloy NiCr20Co3Fe3 - $R_m \geq 650$ MPa - Sheets and strips, cold rolled - $0,25 \text{ mm} < a \leq 3 \text{ mm}$;

German and English version

EN 2302:2023

DIN EN 2591-508

Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 508:

Measurement of thickness of coating on contacts; German and English version EN 2591-508:2023

DIN EN 2591-509

Aerospace series - Elements of electrical and optical connection - Test methods - Part 509:

Adhesion of coating on contacts; German and English version EN 2591-509:2023

DIN EN 2885

Aerospace series - Screw, pan head, offset cruciform recess, coarse tolerance normal shank, short thread, in alloy steel, cadmium plated - Classification: 900 MPa (at ambient temperature)/235 °C; German and English version EN 2885:2023

Edition 2023-0

DIN EN 2886

Aerospace series - Screw, pan head, offset cruciform recess, close tolerance normal shank, short thread, in alloy steel, cadmium plated - Classification: 900 MPa (at ambient temperature)/235 °C; German and English version EN 2886:2023

DIN EN 3628

Aerospace series - Lockwire, drawn - Corrosion resisting steel; German and English version EN 3628:2023

DIN EN 3637

Aerospace series - Nut, self-locking, bi-hexagonal (double reduced), in heat resisting nickel base alloy - NI-P101HT (Waspaloy), silver plated, Classification: 1 210 MPa/730 °C; German and English version EN 3637:2023

DIN EN 4165-002

Aerospace series - Connectors, electrical, rectangular, modular - Operating temperature 175 °C

continuous - Part 002:

Specification of performance and contact arrangements; German and English version EN 4165-002:2023

DIN EN 4269

Aerospace series - Nuts, anchor, self-locking, floating, two lug, reduced series, with counterbore, in steel, cadmium plated, MoS₂ lubricated - Classification:

1 100 MPa (at ambient temperature)/235 °C; German and English version

EN 4269:2023

DIN EN 4708-203

Aerospace series - Sleeving, heat-shrinkable, for binding, insulation and identification - Part 203:

Polyvinylidene fluoride (PVDF) Identification sleeves - Operating Temperature range -55 °C to 225 °C - Product Standard; German and English version EN 4708-203:2022

DIN EN 4841-1

Aerospace series - Shock mount with bushes - Part 1: Technical specification; German and English version EN 4841-1:2022

DIN EN 4841-2

Aerospace series - Shock mount with bushes - Part 2: Technical overview; German and English version EN 4841-2:2022

DIN EN 4842

Aerospace series - Steel X5CrNiCu15-5 (1.4545) - Consumable electrode remelted (ESR or VAR) - Solution treated and precipitation treated (H1025) - Bars for machining - a or $D \leq 250 \text{ mm}$ - $1070 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1200 \text{ MPa}$ - Premium quality (pq); German and English version EN 4842:2023

DIN EN 4880

Aerospace series - General technical specification for standard parts; German and English version EN 4880:2023

DIN EN 6052

Aerospace series - Rivet-collar-system, aluminium alloy, shear type, inch series - Technical

Specification; German and English version EN 6052:2022

DIN EN 9114

Aerospace series - Quality systems - Direct Ship - Guidance for aerospace companies; German and English version EN 9114:2022

DIN EN 9147

Aerospace series - Management of unsalvageable items; German and English version EN 9147:2022

DIN EN 10209

Cold rolled low carbon steel flat products for vitreous enamelling - Technical delivery conditions; German version EN 10209:2023

DIN EN 10244-2

Steel wire and wire products - Non-ferrous metallic coatings on steel wire - Part 2: Zinc or zinc alloy coatings; German version EN 10244-2:2023

DIN EN 12102-1

Air conditioners, liquid chilling packages, heat pumps, process chillers and dehumidifiers with electrically driven compressors - Determination of the sound power level - Part 1: Air conditioners, liquid chilling packages, heat pumps for space heating and cooling, dehumidifiers and process chillers; German version EN 12102-1:2022

DIN EN 12152

Curtain walling - Air permeability - Performance requirements and classification; German version EN 12152:2023

DIN EN 12153

Curtain walling - Air permeability - Test method; German version EN 12153:2023

DIN EN 12259-12

Fixed firefighting systems - Components for sprinkler and water spray systems - Part 12: Pumps; German version EN 12259-12:2023

DIN EN 12309-1

Gas-fired sorption appliances for heating and/or cooling with a net

heat input not exceeding 70 kW - Part 1: Terms and definitions; German version EN 12309-1:2023

DIN EN 12341

Ambient air - Standard gravimetric measurement method for the determination of the PM₁₀ or PM_{2,5} mass concentration of suspended particulate matter; German version EN 12341:2023

DIN EN 12595

Bitumen and bituminous binders - Determination of kinematic viscosity; German version EN 12595:2023

DIN EN 12596

Bitumen and bituminous binders - Determination of dynamic viscosity by vacuum capillary; German version EN 12596:2023

DIN EN 12697-47

Bituminous mixtures - Test methods - Part 47: Determination of the ash content of natural asphalts; German version EN 12697-47:2023

DIN EN 13001-3-6

Cranes - General design - Part 3-6: Limit states and proof of competence of machinery - Hydraulic cylinders; German version EN 13001-3-6:2018+A1:2021

DIN EN 13232-1

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 1: Definitions; German version EN 13232-1:2023

DIN EN 13232-2

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 2: Requirements for geometric design; German version EN 13232-2:2023

DIN EN 13232-3

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 3: Requirements for wheel/rail interaction; German version

EN 13232-3:2023

DIN EN 13232-4

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 4: Actuation, locking and detection; German version EN 13232-4:2023

DIN EN 13232-5

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 5: Switches; German version EN 13232-5:2023

DIN EN 13232-6

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 6: Fixed common and obtuse crossings; German version EN 13232-6:2023

DIN EN 13232-7

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 7: Crossings with moveable parts; German version EN 13232-7:2023

DIN EN 13232-8

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 8: Expansion devices; German version EN 13232-8:2023

DIN EN 13232-9

Railway applications - Track - Switches and crossings for Vignole rails - Part 9: Layouts; German version EN 13232-9:2023

DIN EN 13416

Flexible sheets for waterproofing - Bitumen, plastic and rubber sheets for roof waterproofing - Rules for sampling; German version EN 13416:2023

DIN EN 13445-2

Unfired pressure vessels - Part 2: Materials; German version EN 13445-2:2021+A1:2023

DIN EN 13489

Wood-flooring and parquet - Multi-layer parquet elements; German version EN 13489:2023

DIN EN 13501-2

Fire classification of construction products and building elements -

Part 2: Classification using data from fire resistance and/or smoke control tests, excluding ventilation services; German version EN 13501-2:2023

DIN EN 13523-23

Coil coated metals - Test methods - Part 23: Resistance to humid atmospheres containing sulfur dioxide; German version EN 13523-23:2023

DIN EN 13697

Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative non-porous surface test for the evaluation of bactericidal and yeasticidal and/or fungicidal activity of chemical disinfectants used in food, industrial, domestic and institutional areas without mechanical action - Test method and requirements without mechanical action (phase 2, step 2); German version EN 13697:2023

DIN EN 13726

Test methods for wound dressings - Aspects of absorption, moisture vapour transmission, waterproofness and extensibility; German version EN 13726:2023

DIN EN 14334

LPG equipment and accessories - Inspection and testing of LPG road tankers; German version EN 14334:2023

DIN EN 14350

Child care articles - Drinking equipment - Safety requirements and test methods; German version EN 14350:2020+A1:2023

DIN EN 14366-1

Laboratory measurement of airborne and structure-borne sound from service equipment - Part 1: Application rules for waste water installations; German version EN 14366-1:2023

DIN EN 14389

Road traffic noise reducing devices - Procedures for assessing long term performance; German version EN 14389:2023

DIN EN 14432

Tanks for the transport of dangerous goods - Tank equipment for the transport of liquid chemicals and liquefied gases - Product discharge and air inlet valves; German version EN 14432:2023

DIN EN 14433

Tanks for the transport of dangerous goods - Tank equipment for the transport of liquid chemicals and liquefied gases - Foot valves; German version EN 14433:2023

DIN EN 14470-1

Fire safety storage cabinets - Part 1: Safety storage cabinets for flammable liquids; German version EN 14470-1:2023

DIN EN 14488-3

Testing sprayed concrete - Part 3: Flexural strengths (first peak, ultimate and residual) of fibre reinforced beam specimens; German version EN 14488-3:2023

DIN EN 14511-3

Air conditioners, liquid chilling packages and heat pumps for space heating and cooling and process chillers, with electrically driven compressors - Part 3: Test methods; German version EN 14511-3:2022

DIN EN 14753

Safety of machinery - Safety requirements for machinery and equipment for continuous casting of steel; German version EN 14753:2022

DIN EN 14758-1

Plastics piping systems for non-pressure underground drainage and sewerage - Polypropylene with mineral modifiers (PP-MD) - Part 1: Specifications for pipes, fittings and the system; German version EN 14758-1:2023

DIN EN 14769

Bitumen and bituminous binders - Accelerated long-term ageing conditioning by a Pressure Ageing Vessel (PAV); German version EN 14769:2023

DIN EN 14770

Bitumen and bituminous binders - Determination of complex shear modulus and phase angle - Dynamic Shear Rheometer (DSR); German version EN 14770:2023

DIN EN 14771

Bitumen and bituminous binders - Determination of the flexural creep stiffness - Bending Beam Rheometer (BBR); German version EN 14771:2023

DIN EN 14825

Air conditioners, liquid chilling packages and heat pumps, with electrically driven compressors, for space heating and cooling, commercial and process cooling - Testing and rating at part load conditions and calculation of seasonal performance; German version EN 14825:2022

DIN EN 14870-1

Petroleum and natural gas industries - Induction bends, fittings and flanges for pipeline transportation systems - Part 1: Induction bends (ISO 15590-1:2018, modified); German version EN 14870-1:2023

DIN EN 14870-4

Petroleum and natural gas industries - Induction bends, fittings and flanges for pipeline transportation systems - Part 4: Factory cold bends (ISO 15590-4:2019, modified); English version EN 14870-4:2023

DIN EN 14972-7

Fixed firefighting systems - Water mist systems - Part 7: Test protocol for commercial low hazard occupancies for automatic nozzle systems; German version EN 14972-7:2023

DIN EN 15016-1

Railway applications - Technical documents - Part 1: General principles; German version EN 15016-1:2023

DIN EN 15016-2

Railway applications - Technical documents - Part 2: Parts lists; German version EN 15016-2:2023

DIN EN 15016-3

Railway applications - Technical documents - Part 3: Handling of modifications of technical documents; German version EN 15016-3:2023

DIN EN 15026

Hygrothermal performance of building components and building elements - Assessment of moisture transfer by numerical simulation; German version EN 15026:2023

DIN EN 15085-1

Railway applications - Welding of railway vehicles and components - Part 1: General; German version EN 15085-1:2023

DIN EN 15094

Safety of machinery - Safety requirements for cold flat rolling mills; German version EN 15094:2022

DIN EN 15218

Air conditioners and liquid chilling packages with evaporatively cooled condenser and with electrically driven compressors for space cooling - Terms, definitions, test conditions, test methods and requirements; German version EN 15218:2022

DIN EN 15267-1

Air quality - Assessment of air quality monitoring equipment - Part 1: General principles of certification; German version EN 15267-1:2023

DIN EN 15267-2

Air quality - Assessment of air quality monitoring equipment - Part 2: Initial assessment of the manufacturer's quality management system and post certification surveillance for the manufacturing process; German version EN 15267-2:2023

DIN EN 15287-1

Chimneys - Design, installation and commissioning - Part 1: Chimneys and connecting flue pipes for non-room sealed combustion appliances; German version EN 15287-1:2023

DIN EN 15287-2

Chimneys - Design, installation and commissioning - Part 2: Chimneys and connecting flue pipes for room sealed combustion appliances; German version EN 15287-2:2023

DIN EN 15502-2-3

Gas-fired central heating boilers - Part 2-3: Specific standard for hybrid units combining a gas-fired boiler and an electrical heat pump in a product; German version EN 15502-2-3:2023

DIN EN 15016-3

Railway applications - Technical documents - Part 3: Handling of modifications of technical documents; German version EN 15016-3:2023

DIN EN 15026

Hygrothermal performance of building components and building elements - Assessment of moisture transfer by numerical simulation; German version EN 15026:2023

DIN EN 15085-1

Railway applications - Welding of railway vehicles and components - Part 1: General; German version EN 15085-1:2023

DIN EN 15094

Safety of machinery - Safety requirements for cold flat rolling mills; German version EN 15094:2022

DIN EN 15218

Air conditioners and liquid chilling packages with evaporatively cooled condenser and with electrically driven compressors for space cooling - Terms, definitions, test conditions, test methods and requirements; German version EN 15218:2022

DIN EN 15267-1

Air quality - Assessment of air quality monitoring equipment - Part 1: General principles of certification; German version EN 15267-1:2023

DIN EN 15267-2

Air quality - Assessment of air quality monitoring equipment -

Part 2: Initial assessment of the manufacturer's quality management system and post certification surveillance for the manufacturing process; German version EN 15267-2:2023

❖ **Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)**

UL 79(Ed. 10)Nov 17, 2023

Standard for Power-Operated Pumps for Petroleum Dispensing Products

UL 79A(Ed. 1)Nov 17, 2023

Power-Operated Pumps for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85)

UL 79B(Ed. 1)Nov 17, 2023

Power-Operated Pumps for Diesel Fuel, Biodiesel Fuel, Diesel/Biodiesel Blends with Nominal Biodiesel

Concentrations up to 20 Percent (B20), Kerosene, and Fuel Oil

UL 153(Ed. 13)Nov 3, 2023

Standard for Portable Electric Luminaires

UL 193(Ed. 11)Oct 26, 2023

Standard for Alarm Valves for Fire-Protection Service

UL 260(Ed. 8)Oct 31, 2023

Standard for Dry Pipe and Deluge Valves for Fire-Protection Service

UL 262(Ed. 8)Oct 27, 2023

Standard for Gate Valves for Fire-Protection Service

UL 296A(Ed. 3)Nov 2, 2023

Standard for Waste Oil-Burning Air-Heating Appliances

UL 330(Ed. 9)Oct 27, 2023

ANSI/CAN/UL Standard for Hose and Hose Assemblies for Dispensing Flammable and

Combustible Liquids Norme sur les tuyaux flexibles et tuyaux flexibles à raccords pour liquides inflammables et combustibles

UL 346(Ed. 5)Nov 1, 2023

Standard for Waterflow Indicators for Fire Protective Signaling Systems

- UL 448(Ed. 12)Nov 1, 2023**
ANSI/CAN/UL Standard for Pumps for Fire-Protection Service
- UL 448C(Ed. 2)Nov 17, 2023**
Stationary, Rotary-Type, Positive-Displacement Pumps for Fire-Protection Service
- UL 493(Ed. 10)Nov 7, 2023**
Standard for Thermoplastic-Insulated Underground Feeder and Branch-Circuit Cables
- UL 510(Ed. 10)Nov 10, 2023**
ANSI/CAN/UL Standard for Polyvinyl Chloride, Polyethylene and Rubber Insulating Tape
- UL 542(Ed. 9)Oct 31, 2023**
Fluorescent Lamp Starters
- UL 567(Ed. 11)Nov 10, 2023**
ANSI/CAN/UL/ULC Emergency Breakaway Fittings, Swivel Connectors and Pipe-Connection Fittings for Petroleum Products and LP-Gas
- UL 651A(Ed. 6)Nov 3, 2023**
Schedule 40 and 80 High Density Polyethylene (HDPE) Conduit
- UL 705(Ed. 7)Oct 27, 2023**
Standard for Power Ventilators
- UL 710(Ed. 6)Oct 27, 2023**
Standard for Exhaust Hoods for Commercial Cooking Equipment
- UL 719(Ed. 13)Nov 7, 2023**
Standard for Nonmetallic-Sheathed Cables
- UL 732(Ed. 7)Nov 10, 2023**
Standard for Oil-Fired Storage Tank Water Heaters
- UL 746A(Ed. 6)Nov 17, 2023**
Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations
- UL 789(Ed. 10)Oct 27, 2023**
Standard for Indicator Posts for Fire-Protection Service
- UL S135(Ed. 2)Nov 20, 2023**
Standard Test Method for the Determination of Combustibility Parameters of Building Materials Using an Oxygen Consumption Calorimeter (Cone Calorimeter)
- UL S514(Ed. 3)Nov 10, 2023**
Standard for Dry Chemical for Use in Hand and Wheeled Fire Extinguishers
- UL S515(Ed. 4)Nov 16, 2023**
Standard on Automobile Fire Fighting Apparatus
- UL 532(Ed. 3)Nov 8, 2023**
Standard for Regulation of the Servicing of Portable Fire Extinguishers
- UL S646(Ed. 3)Oct 27, 2023**
Standard for Exhaust Hoods and Related Controls for Commercial and Institutional Cooking Equipment
- UL S656(Ed. 2)Nov 13, 2023**
Standard for Oil-Water Separators
- UL S712.1(Ed. 3)Nov 3, 2023**
Standard for Thermal Insulation - Light Density, Open Cell Spray Applied Semi-Rigid Polyurethane Foam - Material Specification
- UL 1004-8(Ed. 2)Nov 7, 2023**
Inverter Duty Motors
- UL 1026(Ed. 6)Nov 3, 2023**
Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances
- UL 1247(Ed. 6)Nov 2, 2023**
Standard for Diesel Engines for Driving Centrifugal Fire Pumps
- UL 1277(Ed. 6)Oct 24, 2023**
Standard for Electrical Power and Control Tray Cables with Optional Optical-Fiber Members
- UL 1323(Ed. 4)Oct 26, 2023**
Standard for Scaffold Hoists
- UL 1340(Ed. 3)Nov 1, 2023**
Standard for Hoists
- UL 1479(Ed. 4)Nov 6, 2023**
Standard for Fire Tests of Penetration Firestops
- UL 1638(Ed. 6)Nov 10, 2023**
Visible Signaling Devices for Fire Alarm and Signaling Systems, Including Accessories
- UL 1660(Ed. 6)Nov 10, 2023**
Liquid-Tight Flexible Nonmetallic Conduit
- UL 1678(Ed. 6)Nov 7, 2023**
Standard for Household, Commercial, and Institutional-Use Carts, Stands and Entertainment Centers for Use with Audio and/or Video Equipment
- UL 1680(Ed. 2)Nov 7, 2023**
Outline of Investigation for Stage and Lighting Cables
- UL 1682(Ed. 5)Nov 3, 2023**
Plugs, Receptacles, and Cable Connectors of the Pin and Sleeve Type
- UL 1786(Ed. 4)Nov 1, 2023**
Direct Plug-In Nightlights
- UL 1812(Ed. 4)Oct 26, 2023**
Standard for Ducted Heat Recovery Ventilators
- UL 1815(Ed. 5)Oct 26, 2023**
Standard for Nonducted Heat Recovery Ventilators
- UL 1971 Ed. 3)Nov 3, 2023**
Standard for Signaling Devices for the Hearing Impaired (
- UL 1974(Ed. 2)Nov 10, 2023**
ANSI/CAN/UL Standard for Evaluation for Repurposing Batteries
- UL 1990(Ed. 4)Nov 3, 2023**
Standard for Nonmetallic Underground Conduit with Conductors
- UL 1994(Ed. 4)Nov 20, 2023**
Standard for Luminous Egress Path Marking Systems
- UL 2039(Ed. 2)Nov 10, 2023**
Flexible Connector Piping for Flammable and Combustible Liquids
- UL 2079(Ed. 5)Nov 6, 2023**
Standard for Tests for Fire Resistance of Building Joint Systems
- UL 2127(Ed. 3)Nov 10, 2023**
ANSI/CAN/UL/ULC Standard for Inert Gas Clean Agent Extinguishing System Units
- UL 2225(Ed. 4)Nov 10, 2023**
Standard for Cables and Cable-Fittings For Use In Hazardous (Classified) Locations
- UL 2272(Ed. 1)Nov 3, 2023**
ANSI/CAN/UL Standard for Electrical Systems for Personal E-Mobility Devices
- UL 2368(Ed. 3)Oct 23, 2023**
Fire Exposure Testing of Rigid Nonmetallic and Composite Nonmetallic Intermediate Bulk Containers for Combustible Liquids
- UL 2447(Ed. 1)Oct 27, 2023**
Containment Sumps, Fittings and Accessories for Fuels
- UL 2560(Ed. 1)Oct 26, 2023**

Emergency Call Systems for Assisted Living and Independent Living Facilities

UL 2572(Ed. 2)Nov 10, 2023

Standard for Mass Notification Systems

UL 2735(Ed. 1)Nov 14, 2023

Electric Utility Meters

UL 3008(Ed. 2)Oct 23, 2023

Outline of Investigation for Automatic Interconnection Switches for Emergency Systems

UL 3100(Ed. 1)Oct 31, 2023

ANSI/CAN/UL Standard for Automated Mobile Platforms (AMPs)

UL 5660-1(Ed. 1)Nov 21, 2023

Reaction-to-fire tests - Heat release, smoke production and mass loss rate - Part 1: Heat release rate (cone calorimeter method) and smoke production rate (dynamic measurement)

UL 6200(Ed. 1)Oct 30, 2023

ANSI/CAN/UL/ULC Controls for Stationary Engine Driven Assemblies

UL 8400(Ed. 1)Nov 10, 2023

ANSI/CAN/UL Virtual Reality, Augmented Reality and Mixed Reality Technology Equipment

UL 8802(Ed. 1)Nov 16, 2023

Standard for Ultraviolet (UV) Germicidal Equipment and Systems

UL 8803(Ed. 1)Nov 17, 2023

Standard for Portable UV Germicidal Equipment With Uncontained UV Sources

UL 60034-1(Ed. 2)Nov 3, 2023

Rotating Electrical Machines - Part 1: Rating and Performance

UL 60034-5(Ed. 1)Nov 3, 2023

Rotating Electrical Machines - Part 5: Degrees of Protection Provided by the Integral Design of Rotating Electrical Machines

(IP Code) - Classification

UL 60335-2-3(Ed. 6)Nov 10, 2023

Standard for Safety of Household and Similar Electrical Appliances, Part 2: Particular Requirements for Electric Irons

UL 60335-2-34(Ed. 6)Oct 27, 2023

Standard for Household and Similar Electrical Appliances, Part 2: Particular Requirements for Motor-Compressors

UL 60335-2-79(Ed. 1)Oct 27, 2023

Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-79: Particular Requirements for High Pressure Cleaners and Steam Cleaners

UL 60730-2-13(Ed. 3)Nov 3, 2023

Automatic Electrical Controls for Household and Similar Use, Part 2: Particular Requirements for Humidity Sensing Controls

UL 60745-2-6(Ed. 2)Oct 25, 2023

Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-6: Particular Requirements for Hammers

UL 60745-2-8 (Ed. 2) Nov 1, 2023

Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-8: Particular Requirements for Shears and Nibblers

UL 61010-2-011(Ed. 2)Nov 2, 2023

Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-011:

Particular Requirements for Refrigerating Equipment

UL 61010-2-012(Ed. 2)Nov 2, 2023

Electrical Equipment for Measurement, Control, and

Laboratory Use - Part 2-012: Particular Requirements for Climatic and Environmental Testing and Other Conditioning Equipment

UL 61730-2(Ed. 2)Nov 10, 2023

Photovoltaic (PV) Module Safety Qualification - Part 2:

Requirements for Testing

UL 62093(Ed. 1)Nov 3, 2023

Balance-of-System Components for Photovoltaic Systems – Design Qualification Natural Environments

UL 62841-4-6(Ed. 1)Oct 31, 2023

Electric Hand-Held Motor-Operated, Transportable and Garden Tools - Safety - Part 4-6

Particular Requirements for Garden Blowers, Garden

Vacuums and Garden

Blower/Vacuums

ULC 551(Ed. 3) Nov 13, 2023

Standard For Forged External-Lug Quick-Connect Couplings And Adapters For Forestry Fire Hose

ULC 602(Ed. 6) Nov 17, 2023

Aboveground Steel Tanks for the Storage of Combustible Liquids Intended To Be Used as Heating and/or Generator Fuels

ULC 704.1(Ed. 5) Oct 26, 2023

Standard for thermal insulation, polyurethane and

polyisocyanurate, boards, faced

ULC 2039(Ed. 2) Nov 10, 2023

Flexible Connector Piping for

Flammable and Combustible

Liquids

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại:

(024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556;

Email: ismq@tcvn.gov.vn